

ĐỀ 1**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****Môn NGỮ VĂN LỚP 8***Thời gian: 90 phút***1. Đọc – hiểu văn bản (5,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 5 :***Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay :**- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !**- Cũ bán rồi ?**- Bán rồi. Họ vừa bắt xong.**Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện :**Thế nó cho bắt à ?**Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão khóc mếu như con nít. Lão hu hu khóc...*

(Ngữ Văn 8 - tập 1, trang 41,42)

Câu 1. Đoạn trích được trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai ?**Câu 2.** Liệt kê những từ tượng hình, tượng thanh có trong đoạn trích ? Nêu tác dụng ?**Câu 3.** “Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão khóc mếu như con nít” Phân tích cấu tạo của câu ghép ? Nêu mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép ?**Câu 4.** Em có nhận xét gì về tâm trạng của lão Hạc khi bán chó qua đoạn trích trên ?**Câu 5.** Nếu em là lão Hạc, trong tình huống đó em có nên bán con chó đi không ? Vì sao ?**2. Tạo lập văn bản. (5,0 điểm).**

Kể lại một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng.

- HẾT -*(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)***KIỂM TRA HỌC KỲ I****Hướng dẫn chấm môn Ngữ văn 8****1. Đọc – hiểu văn bản. (5.0 điểm)**

Câu	Nội dung cần đạt	Biểu điểm
1	Trích từ văn bản “Lão Hạc” của nhà văn Nam Cao.	1,0
2	- Từ tượng hình : Móm mém - Từ tượng thanh : Hu hu	0,25 0,25

	- Tác dụng : Mô phỏng hình dáng miệng lão Hạc khi khóc và tiếng khóc của lão qua đó gọi lên sự đau khổ của lão Hạc sau khi bán chó.	0,5
3	- Câu ghép : <u>Cái đầu lão/ ngoe về một bên</u> và <u>cái miệng/ móm mém</u> CN VN CN VN <u>của lão khóc méo như con nít.</u> - Mối quan hệ giữa các vế câu trong câu ghép là quan hệ đồng thời	0,5 0,5
4	Tâm trạng của lão Hạc khi bán cậu Vàng : Buồn, đau khổ, hối hận khi bán chó.	1,0
5	- Đáp án : Nên bán hay không nên bán đều được chấp nhận. - Giải thích lý do nên bán hay không nên bán (<i>GV tùy vào tính hợp lý, cách lập luận để giải thích mà ghi điểm</i>).	0,5 0,5

2. Tạo lập văn bản. (5,0 điểm)

Kể lại một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng.

Tiêu chí đánh giá	Điểm
* Yêu cầu chung : - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để viết bài tự sự. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác kể, biểu cảm.	
* Yêu cầu cụ thể : a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự : Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài : nêu được vấn đề; phần thân bài : biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau; phần kết bài : nêu cảm xúc	0,5
b. Xác định đúng vấn đề cần tự sự : Kể lại một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng	0,25
c. Triển khai vấn đề cần tự sự : Nên sử dụng phương pháp kể kết hợp với yếu tố biểu cảm (tâm trạng, cảm xúc của em khi giúp đỡ người đó và cả cảm xúc, suy nghĩ của bản thân em, tâm trạng bố mẹ em...). Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau, sau đây là một số gợi ý.	
c1. Đó là việc gì ?	0,5
c2. Thời gian, địa điểm ?	0,5
c3. Gồm có những ai (tất nhiên là có em) ? Có ai khác ngoài cuộc chứng kiến không ?	0,5
c4. Người được em giúp có cảm xúc như thế nào ? Điều đó làm em xúc động ra sao ? Bố mẹ em vui như thế nào ?	1,0
c5. Những điều em suy nghĩ.	1,0
d. Sáng tạo : Có cách diễn đạt mới mẻ, bài viết với cảm xúc chân thành, sinh động, hấp dẫn người đọc.	0,5
e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

I. Phần trắc nghiệm: (2 điểm) Đọc kĩ các câu sau và trả lời bằng cách chọn phương án đúng nhất.

Câu 1: Tác giả của văn bản “*Trong lòng mẹ*” (Ngữ văn 8 - Tập 1) là ai?

A. Nam Cao. B. Ngô Tất Tố. C. Thanh Tịnh. D. Nguyên Hồng.

Câu 2: Văn bản “*Tức nước vỡ bờ*” (Trích “*Tắt đèn*” - Ngô Tất Tố) được viết theo thể loại nào?

A. Bút kí. B. Tùy bút. C. Tiểu thuyết. D. Truyện ngắn.

Câu 3: Qua sự miêu tả của nhà văn Ngô Tất Tố, tên cai lệ và người nhà lí trưởng trong văn bản “*Tức nước vỡ bờ*” có điểm gì giống nhau về mặt nhân cách?

A. Cùng bất nhân tàn ác. B. Cùng làm tay sai.
C. Cùng là nông dân. D. Cùng ghét vợ chồng chị Dậu.

Câu 4: Nhận xét: “*Sử dụng thể loại hồi kí với lời văn chân thành, giọng điệu trữ tình, tha thiết*” ứng với đặc sắc nghệ thuật của văn bản nào?

A. Tôi đi học. B. Tức nước vỡ bờ. C. Lão Hạc. D. Trong lòng mẹ.

Câu 5: Trong văn bản “*Cô bé bán diêm*” của An - đéc - xen, các mộng tưởng mất đi khi nào?

A. Khi các que diêm tắt. B. Khi em bé nghĩ về sẽ bị cha mắng.
C. Khi bà nội em hiện ra. D. Khi trời sắp sáng.

Câu 6: Theo tác giả bài viết “*Thông tin về ngày trái đất năm 2000*” (Ngữ văn 8 - Tập 1), vấn đề sử dụng bao ni lông nguy hiểm nhất là gì?

A. Vứt xuống cống rãnh. B. Thải ra biển. C. Đốt cháy. D. Đựng thực phẩm.

Câu 7: Trong những câu sau, câu nào là câu ghép?

A. Tôi mãi một chạy sang. B. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra.
C. Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt. D. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.

Câu 8: Yêu cầu của việc tóm tắt văn bản tự sự là gì?

A. Văn bản tóm tắt phải sáng tạo hơn nội dung của văn bản gốc.
B. Văn bản tóm tắt phải dài hơn nội dung của văn bản gốc.
C. Văn bản tóm tắt phải ngắn gọn và trung thành với nội dung của văn bản gốc.
D. Phải phân tích nội dung nghệ thuật của văn bản gốc.

II. Phần tự luận: (8 điểm)

Câu 1: (3 điểm). Đọc phần trích sau:

... “*Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vờ trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.*” (“*Lão Hạc*” - Nam Cao)

a) Nêu nội dung nghệ thuật của văn bản “*Lão Hạc*” – Nam Cao?

b) Tìm các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể người trong đoạn trích trên?

c) Xác định từ tượng hình, tượng thanh được sử dụng trong đoạn trích trên?
Phân tích tác dụng của từ tượng hình, tượng thanh đó?

Câu 2: (5 điểm). Em hãy thuyết minh về cái phích nước.

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm: (2 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	Mức tối đa	Mức không đạt
1	D	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
2	C	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
3	A	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
4	D	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
5	A	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
6	C	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
7	B	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời
8	C	Có câu trả lời khác hoặc không trả lời

II. Phần tự luận: (8 điểm) .

Câu 1: (3 điểm).

a) Học sinh nêu đúng nội dung, nghệ thuật của văn bản “*Lão Hạc*” : (1 điểm).

- Nội dung: Truyện ngắn “*Lão Hạc*” đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng của nhà văn đối với người nông dân.

- Nghệ thuật: Miêu tả tâm lí nhân vật và cách kể chuyện đặc sắc.

b) Học sinh tìm được đúng các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận của cơ thể người: *đầu, tóc, mắt, mép*. (0,5 điểm)

c) - Học sinh xác định đúng các từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn. (0,5 điểm).

+ Từ tượng hình: *xông xộc, vật vã, xộc xệch, rũ rượi, long sông sông*.

+ Từ tượng thanh: *xôn xao, tru tréo*.

- Học sinh phân tích được tác dụng: (1 điểm).

Gợi tả một cách cụ thể, chân thực và cảm động về cái chết vô cùng đau đớn, dữ dội, thê thảm của lão Hạc.

Câu 2: (5 điểm).

* Yêu cầu về kĩ năng:

Học sinh biết cách làm bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng. Bố cục bài văn ba phần rõ ràng, lời văn trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

* Yêu cầu về kiến thức: Cần giới thiệu về cái phích nước. Cụ thể như sau:

A. Mở bài:

Giới thiệu về cái phích nước là một đồ dùng quen thuộc trong mỗi gia đình, có nhiều công dụng đối với đời sống con người.

B. Thân bài:

1. Hình dáng: Phích nước thông thường có hình trụ cao khoảng 35 – 45cm. Gần đây, các nhà sản xuất tạo ra phích nước với hình dáng khác nhau, mẫu đẹp hơn.

2. Cấu tạo:

* Cấu tạo bên ngoài:

- Vỏ phích thường được làm bằng nhựa hoặc kim loại, bề ngoài có hoa văn đẹp mắt. Vỏ phích có tác dụng bảo quản ruột phích. Phần trên vỏ phích có cấu tạo nhỏ hơn (bộ phận này thường gọi là cổ phích) làm giảm sự truyền nhiệt ra ngoài.

- Nắp phích: ở phần trên nhất của phích được chia làm hai bộ phận: Nắp dưới (còn gọi là nút phích) có cấu tạo bằng loại gỗ xốp nhẹ, bọc vải trắng hoặc làm bằng chất dẻo dùng nắp vào phần trên ruột phích. Nắp trên được gắn với nắp dưới thường được làm bằng nhựa giúp người sử dụng khi cầm, xoay đóng nắp phích dễ dàng.

- Quai phích bằng kim loại hoặc bằng nhựa giúp người di chuyển, sử dụng thuận tiện hơn.

- Đế phích hình tròn bằng nhựa hoặc sắt để đỡ lấy ruột phích.

* Cấu tạo bên trong:

- Ruột phích được coi là bộ phận quan trọng nhất của phích nước được cấu tạo bởi hai lớp thủy tinh, ở giữa hai lớp thủy tinh là một khoảng chân không có tác dụng làm mất khả năng truyền nhiệt ra ngoài. Phía trong ruột phích được tráng bạc để giữ nhiệt.

- Đáy phích có van hút khí và nút thủy ngân.

3. Công dụng:

- Phích có công dụng giữ cho nước trong phích luôn nóng: trong vòng 6 tiếng đồng hồ nước từ 100 độ còn giữ được 70 độ.

4. Cách sử dụng và bảo quản:

- Khi mua phích mới cần kiểm tra các bộ phận của phích thật kĩ.

- Phích mới không nên đổ nước sôi vào ngay vì đang lạnh mà gặp nóng đột ngột phích dễ bị nứt vỡ. Nên rót nước ấm khoảng 50 – 60 độ vào trước 30 phút sau đó đổ đi rồi mới cho nước sôi vào.

- Muốn nước nóng lâu không nên cho đầy nước mà để một khoảng trống trên để cách nhiệt

- Cần đổ hết nước cũ ra, tráng sạch hết cặn rồi mới rót nước sôi vào.

- Để phích nơi khô, tránh xa tầm tay trẻ em.

C. Kết bài:

- Khẳng định vai trò, ý nghĩa của phích nước trong đời sống con người.

* Cách cho điểm:

- *Mức tối đa: (5 điểm):* Học sinh trình bày được đầy đủ các ý trên, diễn đạt tốt.

- *Mức chưa tối đa: (3,5 – 4,75 điểm):* Học sinh trình bày đầy đủ các ý trên, diễn đạt có thể mắc vài lỗi nhỏ.

- *Mức chưa tối đa: (2 - 3 điểm):* Học sinh trình bày được tương đối đầy đủ các ý trên, bố cục bài viết rõ ràng. Còn mắc lỗi diễn đạt.

- *Mức chưa tối đa: (1- 1,75 điểm):* Học sinh chưa hiểu rõ yêu cầu của đề, diễn đạt một cách chung chung, trình bày cẩu thả.

- *Mức không đạt: (0 điểm):* Không làm bài hoặc sai lạc cả về nội dung và phương pháp.

Chú ý: Trên đây là những gợi ý, giáo viên chấm bài cần linh hoạt, đánh giá một cách tổng quát bài làm của học sinh. Cần khuyến khích những bài có chất văn.

ĐỀ 3	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

PHẦN I (4 điểm)

“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !
- Cũ bán rồi ?
- Bán rồi ! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...”

Trích *Lão Hạc* - Nam Cao

Sách *Ngữ văn 8*, tập một - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2016

Em hãy đọc kỹ đoạn văn trên và trả lời các câu sau:

- 1) Tìm các từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn.
- 2) Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện ?
- 3) Em hãy nêu tóm tắt giá trị nhân đạo của truyện ngắn *Lão Hạc*.
- 4) Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề *Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945* đã học trong chương trình *Ngữ văn 8*, tập một.

PHẦN II (6 điểm)

Thuyết minh về một loài vật nuôi có ích trong gia đình.

--- HẾT ---

Họ và tên học sinh:..... ; *Số báo danh:*.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN ĐỌC HIỂU 4 điểm

Câu	Nội dung	Điểm
1	<p>Tìm các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được các từ tượng hình: ăng ăng, móm mém. - Chỉ ra được từ tượng thanh: hu hu. 	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
2	<p>Xác định ngôi kể của đoạn văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn trên được kể ở ngôi thứ nhất (ông giáo là người kể chuyện, xưng <i>tôi</i>). - Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể ở ngôi thứ nhất: <ul style="list-style-type: none"> + Ông giáo – người tham gia câu chuyện, chứng kiến sự việc diễn ra trực tiếp kể lại câu chuyện khiến cho câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi hơn. Với cách kể này, câu chuyện được kể như những lời giải bày tâm sự, cuốn hút độc giả dõi theo. + Việc lựa chọn ngôi kể này còn giúp cho cách dẫn dắt câu chuyện trở nên tự nhiên, linh hoạt hơn, lời kể chuyển dịch trong mọi không gian, thời gian kết hợp giữa kể với tả, hồi tưởng với bộc lộ cảm xúc trữ tình và triết lý sâu sắc. 	<p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
3	<p>Nêu tóm tắt giá trị nhân đạo của truyện ngắn Lão Hạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước hết, giá trị nhân đạo của tác phẩm được khẳng định qua tấm lòng đồng cảm, sự sẻ chia, cảm thông sâu sắc của nhà văn trước số phận đau thương, bất hạnh của người lao động, đặc biệt là của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 năm 1945. - Truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng với người nông dân (lão Hạc) của nhà văn; đồng thời ngợi ca những phẩm cao quý của lão Hạc... 	<p>1.0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
4	<p>Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề “Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945” đã học trong chương trình Ngữ văn 8, tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm <i>Lão Hạc</i> của nhà văn Nam Cao - Tác phẩm <i>Tắt đèn</i> của nhà văn Ngô Tất Tố 	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

II. PHẦN LÀM VĂN 6 điểm

Ý	Nội dung	Điểm
	<p>Thuyết minh về một loài vật nuôi có ích trong gia đình.</p> <p>* Yêu cầu chung: Học sinh vận dụng các phương pháp thuyết minh, quan sát, tích lũy kiến thức thực tế để viết bài văn thuyết minh về một loài vật nuôi có ích trong gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh lựa chọn một loài vật nuôi có ích trong gia đình cụ thể 	<p>6,0</p>

	- Trong quá trình chấm bài, giáo viên cần chú ý cách vận dụng lý thuyết kết hợp với kiến thức thực tế của học sinh, khuyến khích sự sáng tạo của học sinh. Những bài văn sao chép lại các bài văn mẫu trong sách giáo khoa và các loại sách tham khảo khác không cho điểm cao.	
1	Mở bài: - Giới thiệu khái quát về loài vật nuôi có ích trong gia đình đã lựa chọn để thuyết minh. - Khuyến khích sự giới thiệu sáng tạo, hấp dẫn của học sinh.	1,0 0,5 0,5
2	Thân bài: Yêu cầu học sinh biết vận dụng các phương pháp thuyết minh chủ yếu đã học (nêu định nghĩa, giải thích, so sánh, phân loại, liệt kê, dùng số liệu...) để làm rõ về một loài vật nuôi có ích trong gia đình - Giới thiệu về nguồn gốc, xuất xứ loài vật nuôi ấy. - Giới thiệu về các chủng loại. - Thuyết minh về hình dáng, những đặc điểm nổi bật, đặc trưng của loài vật nuôi ấy. - Thuyết minh về tập tính của loài vật nuôi ấy: sinh hoạt (thức ăn chủ yếu, phương thức kiếm mồi...), sinh sản... - Cách chăm sóc, nuôi dưỡng. - Nêu rõ giá trị hoặc công dụng, ý nghĩa của loài vật nuôi ấy đối với cuộc sống con người, với truyền thống văn hóa, tinh thần...	4,0 0,5 0,5 1,0 1,0 0,5 0,5
3	Kết bài : - Học sinh bày tỏ thái độ, tình cảm với loài vật nuôi vừa thuyết minh - Nêu trách nhiệm của bản thân với việc bảo tồn, phát huy các giá trị của loài vật nuôi đó.	1,0 0,5 0,5

VẬN DỤNG CHO ĐIỂM PHẦN LÀM VĂN

Điểm 5 - 6: Vận dụng tốt kiến thức đã học và kiến thức thực tế để làm bài văn thuyết minh, trình bày đủ các ý cơ bản như trên, bài viết đảm bảo chính xác, gãy gọn, khúc chiết, sáng tỏ; diễn đạt trôi chảy, lô gic; trình bày sạch sẽ, rõ ràng; chữ viết đúng chính tả.

Điểm 3 - 4: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài văn thuyết minh, trình bày tương đối đủ các ý cơ bản như trên, diễn đạt có thể chưa tốt, đôi chỗ lạc sang văn miêu tả vào một con vật cụ thể, mắc một số lỗi chính tả.

Điểm 1 - 2: Chưa biết vận dụng kiến thức để làm bài văn thuyết minh; thiếu nhiều ý, nhiều ý lạc sang văn miêu tả, tự sự; bài viết không có bố cục, mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt.

Điểm 0: Bỏ giấy trắng.

Lưu ý:

- Trong quá trình chấm bài, giáo viên cần hết sức quan tâm đến kỹ năng diễn đạt và trình bày của học sinh. Coi diễn đạt và trình bày (cả nội dung & hình thức trình bày, chữ viết, chính tả...) là một yêu cầu rất quan trọng trong bài làm của học sinh.
- Tôn trọng sự sáng tạo trong quá trình làm bài văn thuyết minh của học sinh, không yêu cầu học sinh nhất thiết phải theo đúng trình tự như Hướng dẫn chấm bài kiểm tra trên đây
- Điểm toàn bài: làm tròn tới 0,5 điểm.

ĐỀ 4	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

PHẦN I: ĐỌC- HIỂU:(3,0 điểm)

Đọc kỹ đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:

“-Con nín đi! Mẹ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn côi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.”

(Trích “ Trong lòng mẹ”- Nguyên Hồng, SGK Ngữ Văn 8 tập 1, trang 18)

Câu 1(0,5 điểm): Đoạn trích trên có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt nào?

Câu 2 (0,5điểm): Tìm các từ cùng trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể con người trong đoạn trích trên?

Câu 3(2 điểm): Từ nội dung đoạn trích trên, em thấy người mẹ có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (7điểm)

Trong vai cô bé bán diêm, hãy kể lại truyện ngắn “ Cô bé bán diêm” của An-đéc-xen?

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN : NGỮ VĂN 8
(Thời gian 90 phút)

Phần I. Đọc – hiểu văn bản (3 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu1 (0,5 đ)	Đoạn trích trên có sự kết hợp của các phương thức tự sự , miêu tả và biểu cảm. (thiếu một trong ba phương thức trên không cho điểm)	0,5
Câu2 (0,5 đ)	Các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể con người trong đoạn trích trên là: Mặt, gò má, đầu, mắt, da, đùi, cánh tay, miệng.	0,5
Câu 3 (2,0 đ)	Học sinh có nhiều cách diễn đạt khác nhau song cần nêu được vai trò của người mẹ đối với mỗi chúng ta trong cuộc sống vô cùng quan trọng: -Mẹ không chỉ là người sinh ra và nuôi dưỡng chúng ta trưởng thành mà còn luôn che chở, dành tình yêu thương, dịu dàng chúng ta....	1,0
	-Nếu thiếu đi tình yêu thương của mẹ, chúng ta cảm thấy cuộc sống thiếu thốn về mặt tinh thần...	1,0

PhầnII. Tạo lập văn bản(7điểm)

1. Yêu cầu:

a. Hình thức.

- Đảm bảo đúng yêu cầu của bài văn tự sự.
- Trong khi viết có kết hợp hài hòa các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.
- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.
- Trình bày rõ ràng, chữ viết cẩn thận, không sai lỗi chính tả.
- Bố cục rõ ràng: mở bài, thân bài, kết bài.

b.Nội dung.

***Mở bài:**

- Giới thiệu bản thân: Tôi là cô bé bán diêm.
- Nêu khái quát về hoàn cảnh hiện tại: Không dám về nhà vì chưa bán được bao diêm nào.

***Thân bài :**

+Kể về hoàn cảnh hiện tại của tôi.

- Gia cảnh mẹ và bà nội đã qua đời.
- Sống với ông bố khó tính và luôn chửi mắng.
- Nhà nghèo nên tôi phải đi bán diêm để kiếm sống.

+Bối cảnh hiện tại:

- Thời gian: Đêm giao thừa.
- Không gian: Rét buốt dữ dội, tuyết rơi đầy trời. Một mình tôi cô đơn đói rét, lang thang trên đường để mong bán được một bao diêm hay có ai bố thí cho một chút.
- Mọi người sung quanh thờ ơ với tôi.

=>Tôi hoàn toàn không có nơi nương tựa.

+Những mộng tưởng của tôi:

- Tôi quẹt diêm 5 lần và mộng tưởng đẹp đẽ hiện ra,(kể về những

<p>lần quẹt diêm)</p> <p>=>Đây là những khao khát cháy bỏng và tình cảnh đáng thương của tôi.</p> <p>+Cái chết đến với tôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nguyên nhân vì đói rét. -Cái chết của tôi nhẹ nhàng, thanh thản. <p>+Những điều tôi muốn nhắn đến mọi người:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Ngoài kia có nhiều số phận bất hạnh nên cảm thông và thương xót. -Phải biết yêu thương đùm bọc nhau. -Đừng sống vô tâm, ích kỷ. <p>*Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Bộc lộ cảm xúc hạnh phúc khi được đi cùng bà. -Gửi gắm những mong muốn con người phải biết yêu thương, giúp đỡ những người nghèo khổ, trẻ em cơ nhỡ. <p>2.Cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Điểm 6-7: Đạt các yêu cầu trên,văn viết mạch lạc thuyết phục, các ý rõ ràng, không mắc lỗi diễn đạt thông thường. -Điểm 4-5: Đạt phần lớn các yêu cầu trên nhất là phần nội dung có thể còn một vài sai sót, Bố cục tương đối hợp lý. Diễn đạt gọn, ít lỗi diễn đạt. -Điểm 2-3:Đạt ½ yêu cầu về nội dung Chưa có bố cục hợp lý, còn mắc nhiều lỗi hình thức. -Điểm 0-1 : Bài làm lạc đề hoặc chỉ viết dài dòng, sai cả lỗi nội dung và phương pháp. 	1,0
---	-----

ĐỀ 5	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nằm tay tôi chôn góc phù sa sông Mã
 Trăm thác nghìn ghềnh cuộn xoáy vào tơ
 Làng cong xuống dáng tre già trước tuổi
 Tiếng gọi òa khuya sạt cả đôi bờ.

Con hén, con trai một đời nằm lệch
 Lắm láp đất bùn đứng thẳng cũng nghiêng
 Mẹ gạt mồ hôi để ngoài câu hát
 Giấc mơ tôi ngọt hơi thở lảng giềng.

Hạt thóc củ khoai đặt đâu cũng thấp
 Cả những khi rõ rá đội lên đầu
 Chiếc liềm nhỏ không còn nơi cắt chấu
 Gặt hái xong rồi rơm, rạ bó nhau.

(Một góc phù sa, Nguyễn Minh Khiêm, NXB Hội Nhà văn, 2007)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2. Chỉ ra các từ ngữ, hình ảnh nói về quê hương bình dị, gần gũi trong kí ức của nhà thơ.

Câu 3. Em hiểu thế nào về hai câu thơ sau ?

Mẹ gạt mồ hôi để ngoài câu hát

Giấc mơ tôi ngọt hơn thở lảng giềng

Câu 4. Qua đoạn thơ, em hãy rút ra bài học cuộc sống có ý nghĩa với bản thân mình?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của quê hương đối với tâm hồn mỗi con người.

Câu 2. (5,0 điểm)

Thuyết minh về chiếc áo dài Việt Nam.

ĐÁP ÁN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN: Ngữ văn - LỚP: 8

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.	0,5
	2	Các từ ngữ, hình ảnh : phù sa sông Mã, con hến, con trai, hạt thóc, củ khoai, rơm rạ...	0,5
	3	- Hình ảnh người mẹ tần tảo, lạc quan, yêu đời - Kí ức về tuổi thơ gắn bó với quê hương, xóm giềng và người mẹ yêu quý.	1,0
	4	-Trân trọng những người thân yêu xung quanh mình -Gần gũi, gắn bó với quê hương coi đó là nguồn cội quan trọng đối với bản thân mình.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em trình bày về vai trò của quê hương đối với tâm hồn mỗi người.	2,0
	a	Đảm bảo thể thức của một đoạn văn, chính tả, dùng từ...	0,25
	b	Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25
	c	Triển khai đoạn văn theo nhiều cách, song đảm bảo một số ý sau: - Quê hương- hai tiếng ấy vang lên thật thân thương, nơi ta được sinh ra và lớn lên, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi cội	1, 0

	<p>nguồn sinh dưỡng của mỗi người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quê hương cố ý nghĩa hết sức trang trọng và thiêng liêng đối với tâm hồn con người. Quê hương luôn âm áp, che chở, dang tay đón nhận khi ta gặp những khó khăn, trắc trở trên bước đường đời. - Quê hương là máu thịt, là tâm hồn ta. Nếu không có tình yêu quê hương, gắn bó với quê hương, luôn có ý thức xây dựng quê hương giàu đẹp, ta sẽ không thể thành người với đúng nghĩa của nó. - Đáng buồn cho những ai vì lí do nào đó phải rời bỏ quê hương. Cũng đáng trách cho những ai không yêu quê hương mình. 	
d	Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật, có cách diễn đạt độc đáo.	0,5
2.	<p><u>I/Mở bài:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về chiếc áo dài Việt Nam: + Chiếc áo dài đã trở thành trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam. +Chúng ta hãnh diện, trân trọng chiếc áo dài truyền thống này. <p><u>II/Thân bài:</u></p> <p>1.Nguồn gốc, xuất xứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào sử liệu, văn chương, điêu khắc, hội họa, sân khấu dân gian.....chúng ta đã thấy hình ảnh tà áo dài qua nhiều giai đoạn lịch sử. Nghĩa là áo dài đã có từ rất lâu. - Tiền thân của áo dài hơi giống áo từ thân , sau đó qua lao động, sản xuất chiếc áo giao lãnh mới được chỉnh sửa để phù hợp với thời trang của từng thời điểm. <p>2. Chất liệu vải: phong phú, đa dạng, nhưng đều có đặc điểm là mềm, nhẹ, thoáng mát.</p> <p>3. Kiểu dáng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo +Áo dài từ cổ xuống đến chân +Cổ áo may theo kiểu cổ Tàu, cũng có khi là cổ thuyền, cổ tròn theo sở thích của người mặc. Khi mặc, cổ áo ôm khít lấy cổ, tạo vẻ kín đáo. +Khuy áo thường dùng bằng khuy bấm, từ cổ chéo sang vai rồi kéo xuống ngang hông. +Thân áo gồm 2 phần: Thân trước và thân sau, dài suốt từ trên xuống gần mắt cá chân. +Khi mặc áo ôm sát vào vòng eo, làm nổi bật vóc dáng của người phụ nữ. + Tà áo xẻ dài từ trên xuống, giúp người mặc đi lại dễ dàng, thướt tha, uyển chuyển. - Khẳng định đó là nét đặc trưng khác biệt của chiếc áo dài Việt Nam. 	<p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Đa dạng, tùy theo sở thích lựa chọn của mỗi người. <p>4. Ý nghĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiếc áo dài luôn giữ được tầm quan trọng của nó và trở thành bộ lễ phục của các bà, các cô. - Áo dài Việt Nam đã được tổ chức Unesco công nhận là 1 di sản Văn hoá phi vật thể, là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam. - Từ xưa đến nay chiếc áo dài đã trở thành tác phẩm mỹ thuật <p><u>III. Kết bài:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày nay có nhiều kiểu áo thời trang của nước ngoài du nhập vào nước ta, nhưng trang phục truyền thống, chiếc áo dài dân tộc vẫn là một biểu tượng đẹp của người phụ nữ Việt Nam . - Chiếc áo dài đã trở thành quốc phục. Đó là tâm hồn, cốt cách của người Việt gửi vào vẻ tha thướt, quyến rũ của chiếc áo 	

***Lưu ý :**

- **Điểm 4.5-5:** Bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu cả về bố cục, nội dung. Có tính biểu cảm cao. Trình bày sạch, đẹp. Có thể vấp vài lỗi không đáng trong diễn đạt.
- **Điểm 3.5-4 :** Bài viết đảm bảo nội dung trên, nhưng sức thuyết phục chưa cao.
- **Điểm 2-3:** Xác định được yêu cầu của đề ra. Bài viết có thực hiện các yêu cầu trên nhưng chưa sâu sắc
- **Điểm 1-2:** Xác định được yêu cầu của đề ra. Bài viết mới đảm bảo một vài yêu cầu trên. Trình bày câu thả.
- **Điểm 0:** Bài nộp giấy trắng.

ĐỀ 6**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****Môn NGỮ VĂN LỚP 8***Thời gian: 90 phút***PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)****Câu 1: Dòng nào nói đúng giá trị nội dung của bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn”?**

- A. Hình tượng người anh hùng cứu nước dù gặp bước nguy nan nhưng vẫn không sờn lòng đổi chí.
- B. Hình tượng người anh hùng cứu nước buồn bã, bi quan vì phải lao động khổ sai.
- C. Hình tượng người anh hùng thất thế, gặp bước nguy nan, buồn bã, bị động, lao động nhọc nhằn.
- D. Hình tượng người tù khổ sai lao động cực nhọc, nhỏ bé trước thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ.

Câu 2: Nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật ở đoạn trích “Đánh nhau với cối xay gió” là gì?

- A. Miêu tả diễn biến nội tâm
- B. Miêu tả tâm lí
- C. Tương phản
- D. Đối thoại đặc sắc

Câu 3: Điều nào không phải là sự nguy hiểm của bao bì ni lông được thống kê trong văn bản “Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000” ?

- A. Lẫn vào đất, cản trở các loài sinh vật phát triển, cản trở cỏ mọc, dẫn đến xói mòn.
- B. Lẫn vào cống làm tắc đường dẫn nước thải, gây lụt lội, gây ra nhiều muỗi, lây truyền bệnh dịch.
- C. Trôi ra biển làm chết các sinh vật.
- D. Bay lên không trung làm không khí bị ô nhiễm.

Câu 4: Nội dung nào không cần thiết trong bài thuyết minh về một đồ dùng?

- A. Xuất xứ, nguồn gốc
- B. Cấu tạo, công dụng
- C. Suy nghĩ, cảm xúc về đồ dùng
- D. Cách sử dụng, bảo quản

PHẦN II: TỰ LUẬN (8 điểm)**Câu 1 (4 điểm).** Cho đoạn thơ: Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu?

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sầu

1. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? (0.5 điểm).
2. Hãy giải thích nghĩa từ “nghiên” trong đoạn thơ. (0.5 điểm).
2. Tóm tắt nội dung đoạn thơ bằng một câu (0.5 điểm).
3. Chỉ rõ và nêu ngắn gọn tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên (0.5 điểm).
4. Viết đoạn văn theo cấu trúc diễn dịch khoảng 7 – 9 câu làm sáng tỏ câu chủ đề “**Đoạn thơ là niềm thương cảm sâu sắc trước nỗi sầu tủi của ông đồ thời tàn**”. Trong đoạn văn có sử dụng một câu ghép và một tình thái từ hoặc trợ từ hoặc thán từ? (*Gạch chân, chỉ rõ câu ghép và từ loại đã sử dụng, đánh số câu trong đoạn văn*).

Bài 2: (4 điểm).

Học sinh được chọn 1 trong 2 đề sau:

Đề 1: Thuyết minh về một phong tục (mừng tuổi, gói bánh chưng)

Đề 2: Thuyết minh về một loài hoa (hoa sen, hoa hồng)

----- Hết -----

*(Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm và thu lại đề sau khi kiểm tra.)***ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2điểm)**Câu 1: A****Câu 2: B****Câu 3: D****Câu 4: C****PHẦN II. TỰ LUẬN (8 điểm)****Câu 1** (4 điểm). Cho một đoạn thơ: 1. Đoạn thơ trích trong bài Ông đồ của Vũ Đình Liên (0.5 điểm).

2. Nghiên: đồ dùng để mài mực hoặc son

3. Đoạn thơ diễn tả nỗi sầu tủi của ông đồ khi khách đến mua chữ ngày càng vắng bóng (0.5 điểm).

4. – Biện pháp tu từ: nhân hóa, (sử dụng câu hỏi tu từ)

- Tác dụng:

+ Những sự vật vô tri vô giác như cùng đồng cảm với tình cảnh của con người, nỗi buồn tủi từ ông đồ lan sang cảnh vật.

+ Diễn tả niềm thương cảm sâu sắc của Vũ Đình Liên trước “cái di tích tiêu tụy, đáng thương của một thời tàn” (0.5 điểm).

5. Viết đoạn văn:

- Hình thức: (0.75 đ)

+ Đủ số câu (khoảng 7 – 9 câu), đúng cấu trúc diễn dịch (0.25 đ)

+ Gạch chân và chỉ rõ 1 câu ghép, 1 thán từ hoặc trợ từ, tình thái từ. (0.5 đ)

- Nội dung: (1.25) làm sáng tỏ câu chủ đề “Đoạn thơ là niềm thương cảm sâu sắc trước nỗi sầu tủi của ông đồ thời tàn”:

+ Nỗi sầu tủi trước sự vắng bóng của người xem, người mua chữ. Sự nhạt phai âm thầm nhưng nghiệt ngã, không thể níu kéo.

+ Nỗi sầu tủi của con người như thấm sang cảnh vật: giấy buồn, mực sầu

+ Cảm xúc của nhà thơ: niềm thương cảm xót xa (như phủ cả nỗi ngậm ngùi của mình vào câu chữ).

Bài 2. (4 điểm)

HS có thể triển khai theo ý tưởng của riêng mình, tuy nhiên, cần đầy đủ những nội dung chính cần có trong bài.

Dàn ý tham khảo:

Đề 1: Thuyết minh về một phong tục (mừng tuổi, gói bánh chưng)

I. MỞ BÀI

Dẫn dắt ,giới thiệu về đối tượng cần thuyết minh: bánh chưng

II. THÂN BÀI

1. Nguồn gốc bánh chưng: nó là loại bánh xuất hiện từ xa xưa theo sự tích bánh chưng bánh giầy.

2. Cách làm bánh chưng

- Công đoạn chuẩn bị: nguyên liệu, bếp,..

- Công đoạn gói bánh: gói tay, gói khuôn

- Công đoạn nấu:thời gian , lượng nước

3. Đặc điểm bánh chưng (phân loại, hình dáng)

4. Ý nghĩa và giá trị sử dụng của bánh chưng, cách bảo tồn phong tục.

5. Cách bảo quản bánh.

III. KẾT BÀI : khẳng định giá trị của bánh, mở rộng, liên hệ.

Đề 2: Thuyết minh về một loài hoa (hoa sen, hoa hồng)

I. MỞ BÀI: Dẫn dắt ,giới thiệu về đối tượng cần thuyết minh: hoa hồng, hoa sen

II. THÂN BÀI:

1. Nguồn gốc, xuất xứ
2. Đặc điểm, phân loại, cấu tạo.
3. Ý nghĩa, giá trị.
4. Trồng và chăm sóc
5. Cách bảo quản

III. KẾT BÀI : khẳng định giá trị của hoa, mở rộng, liên hệ.

*** Biểu điểm:**

- Hình thức đoạn văn: 0.5đ

- Mở đoạn: 0.5đ

- Thân đoạn: 2.5đ (mỗi ý 0,5 đ)

- Kết đoạn: 0.5đ

* Chú ý : Kiến thức chính xác, diễn đạt lưu loát, sắp xếp ý hợp lí, vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh. Các con cần chứng tỏ mình đang làm văn thuyết minh chứ không thuyết minh về đối tượng một cách khô khan. Bài làm không phải là sự sao chép kiến thức đơn thuần.

Trên đây chỉ là những gợi ý .Giáo viên căn cứ vào bài làm cụ thể của HS để chấm đúng, linh hoạt, không để HS bị thiệt thòi, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của các em.

ĐỀ 7	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

Câu 1: Nhân vật được nhắc đến trong đoạn văn trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? (1 điểm)

Câu 2 : Em có đồng ý với câu nói trong đoạn trích “ *Tình yêu thương là tiếng nói đồng vọng, kết nối biết bao trái tim con người.*” không? Vì sao? (1 điểm)

Câu 3 : Tìm một câu ghép có trong đoạn văn trên ? Xác định mối quan hệ giữa các vế trong câu ghép đó ?(1 điểm)

Thuyết minh về chiếc mũ bảo hiểm để qua đó nâng cao ý thức cho giới trẻ trong việc đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông .

Phần	Câu	Yêu cầu kiến thức kĩ năng	Điểm
I	1	-Tác phẩm : Chiếc lá cuối cùng . -Tác giả : O Hen- ri	0,5 điểm 0,5 điểm
	2	-Đồng ý -Giải thích : Tình thương là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật . Tình thương khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.	0,5 điểm 0,5 điểm
	3	-Câu ghép : <u>Cuộc sống chúng ta/ sẽ khô cạn biết bao nếu</u> CN VN	0,5 điểm
		<u>tâm hồn ta / không có tình yêu thương.</u> CN VN -Mối quan hệ giữa các vế của câu ghép :Điều kiện - kết quả	0,5 điểm
II		1.Kỹ năng: - Viết đúng thể loại văn thuyết minh, biết trình bày và sắp xếp các ý một cách hợp lý. Bố cục bài viết rõ ràng, diễn đạt mạch lạc. Không có sai sót lớn về dùng từ, đặt câu.....	
		2.Kiến thức: HS có nhiều cách trình bày tuy nhiên bài làm cần đảm bảo các ý sau: -Lịch sử : Mũ bảo hiểm xuất hiện từ hàng ngàn năm trước lúc đầu được làm bằng da ,rồi dần thay thế bằng kim loại được dùng chobinh lính trong chiến tranh và ngày nay mũ được thiết kế rất đẹp ,đa dạng về chủng loại và màu sắc . -Câu tạo : Có 3 lớp	

	<p>+Lớp vỏ ngoài cùng : cứng được làm bằng nhựa siêu bền và thường được phủ một lớp bóng với nhiều màu sắc ...</p> <p>+Lớp lót giữa: thường được làm bằng vật liệu mềm ,xốp ..</p> <p>+Lớp lót trong : làm bằng vải mềm</p> <p>+Quai có khóa cài chắc chắn để cố định mũ .</p> <p>-Hình dạng : thường có 2 loại mũ nửa đầu và mũ trùm đầu</p> <p>-Cách thức và hoàn cảnh sử dụng :sử dụng khi tham gia giao thông,khi làm việc trên công trình</p> <p>Đội mũ lên đầu ,mũ vừa phải ôm sát lấy đầu ,khi đội mũ phải cài khóa ,khóa quai phải vừa cầm không quá rộng hoặc quá chặt .</p> <p>-Tác dụng : Để giảm chấn động do va đập bảo vệ vùng đầu đặc biệt là não</p> <p>Dùng để chắn bụi ,mưa gió và bảo vệ mặt .</p> <p>-Cách bảo quản</p> <p>-Nhận xét bình luận một vài câu về mũ bảo hiểm nhập lậu ,hang nhái hàng kém chất lượng .</p>	
	<p>• Biểu điểm</p> <p>Bảo đảm các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng</p> <p>Bảo đảm các yêu cầu về kiến thức nhưng còn mắc lỗi về kỹ năng.</p> <p>Trình bày ý chưa đầy đủ, còn mắc nhiều lỗi thuộc về kỹ năng.</p> <p>Trình bày ý sơ sài, kỹ năng làm bài yếu.</p> <p><i>Lưu ý: các mức điểm cụ thể khác, giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để xác định một cách phù hợp.</i></p> <p>- Khuyến khích các bài làm thể hiện tính sáng tạo .</p>	<p>7.0 điểm</p> <p>5.0.-> 6.0 điểm</p> <p>3.0 -> 4.0 điểm</p> <p>1.0 -> 2.0 điểm</p>

ĐỀ 8	<p>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I</p> <p>Môn NGỮ VĂN LỚP 8</p> <p><i>Thời gian: 90 phút</i></p>
-------------	---

Câu 1: (5.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.”

(Theo Ngữ Văn 8, Tập I)

1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào, của ai?
2. Chỉ ra và nêu tác dụng của thân từ trong đoạn văn.
3. Theo em, bức tranh chiếc lá thường xuân mà họa sĩ già trong văn bản có đoạn trích trên vẽ có xứng đáng là kiệt tác không? Vì sao? Từ đó em hiểu thế nào về quan niệm nghệ thuật của tác giả?
4. Từ văn bản có đoạn trích trên và bằng hiểu biết của mình, em hãy viết đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi về tình yêu thương con người, trong đó có sử dụng phép nói giảm, nói tránh (gạch chân phép nói giảm, nói tránh).

Câu 2: (1.5 điểm)

Phân tích để làm rõ cái hay, cái đẹp của hai câu thơ:

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sâu

(“Ông đồ” - Vũ Đình Liên)

Câu 3: (3.5 điểm)

Kể lại một kỉ niệm về tình yêu thương mà thầy (cô) giáo đã giành cho em.

-----**Hết**-----

HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I MÔN : NGỮ VĂN 8

Câu 1 (5,0 điểm)		
	Yêu cầu	Điểm
1 (1,0 đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản “Chiếc lá cuối cùng”. - Tác giả: O Hen-ri 	0,5 0,5
2 (0,5 đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Thán từ: <i>ô kìa</i> (Hoặc Ô..) - Tác dụng: thể hiện sự ngạc nhiên của nhân vật 	0,25 0,25
3 (1,5 đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Bức tranh là một kiệt tác nghệ thuật - Vì: sinh động, giống như thật; được sáng tác với mục đích cao cả và tinh thần lao động quên mình của người nghệ sĩ; có tác dụng như một liều thuốc quý giá đã cứu sống một người đang tuyệt vọng. - Hiểu quan niệm nghệ thuật của tác giả: Nghệ thuật là sự lao động quên mình của người sáng tác; nghệ thuật phải vì sự sống của con người 	0,25 0,75 0,5
4 (2,0 đ)	a. Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> - Đúng đoạn văn, có độ dài phù hợp, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; sử dụng phép nói giảm, nói tránh. b. Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị nhân văn của truyện - Học sinh nêu nhận thức của mình về giá trị nhân văn - Liên hệ bản thân: 	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 2 (1.5 điểm)		
	Trình bày bằng đoạn văn đơn giản, chỉ ra được: <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: nhân hoá - Giấy, mực, nghiên: những vật vô tri cũng biết sầu, buồn; nỗi buồn thấm đẫm cảnh vật - Đó cũng chính là nỗi buồn tê tái, nỗi cô đơn, hiu hắt của ông đồ 	0.5 0.5 0.5
Câu 3 (3.5 điểm)		
Đề 1	* Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> - HS làm đúng kiểu bài văn tự sự, có sự kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm ; - Xây dựng được bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; lời văn rõ ràng, câu văn có hình ảnh, diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả. * Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thể làm nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản theo định hướng sau: Kể lại được kỉ niệm theo đúng nghĩa là “kỉ niệm” Qua câu chuyện học sinh thể hiện được tình cảm, lòng biết ơn thầy cô 	0.5 0.5 1.0 1.5

(GK căn cứ bài làm cụ thể của HS để cho điểm phù hợp)

ĐỀ 9	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi bị chất hắc ín trong khói thuốc lá làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.

(Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào?

Câu 2. Tìm trường từ vựng chỉ các bộ phận cơ thể con người trong đoạn trích.

Câu 3. Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu sau và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu đó:

“*Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi*”.

Câu 4. Qua đoạn trích tác giả muốn nói điều gì? (Trả lời ngắn gọn, không phân tích).

II. TẬP LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1(2.0 điểm)

Cho câu chủ đề: “*Hiện nay nạn hút thuốc lá vẫn tồn tại ở trường lớp xung quanh ta*”. Hãy viết đoạn văn khoảng 100 chữ trình bày suy nghĩ của em về tác hại của việc hút thuốc lá và khuyên mọi người tránh xa.

Câu 2(5.0 điểm)

Em hãy kể lại một kỉ niệm khó quên với người bạn thân.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Trích từ văn bản Ôn dịch, thuốc lá	0.5
	2	Trường từ vựng chỉ các bộ phận cơ thể con người: niêm mạc, vòm họng, phế quản, phổi, lông mao.	0.5

	3	- Các lông mao này / có chức năng quét dọn bụi bặm CN VN (và) các vi khuẩn / theo luồng không khí tràn vào CN VN phế quản và phổi. - Quan hệ ý nghĩa: Quan hệ tiếp nối	0.5 0.5
	4	Tác giả muốn nói: Tác hại ghê gớm của thuốc lá đối với sức khỏe con người	1.0
II		TẬP LÀM VĂN	7.0
	1	Cho câu chủ đề: “Hiện nay nạn hút thuốc lá vẫn tồn tại ở trường lớp xung quanh ta”. Hãy viết đoạn văn khoảng 100 chữ trình bày suy nghĩ của em về tác hại của việc hút thuốc lá và khuyên mọi người tránh xa.	2.0
		a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn	0.25
		b. Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.25
		c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: - Hiện tượng hút thuốc vẫn tồn tại ở trường lớp, xung quanh ta. - Gây ra tác hại rất lớn đối với sức khỏe, cuộc sống của chúng ta. - Cần phải có quyết tâm và biện pháp triệt để chống lại nạn hút thuốc lá.	0.25 0.5 0.5
		d. Sáng tạo, có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật.	0.25
	2	Em hãy kể lại một kỉ niệm khó quên với người bạn thân.	5.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần Mở bài, thân bài, kết bài	0.5
		b. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0.5
		c. Triển khai hợp lí vấn đề theo nội dung: Mở bài: - Giới thiệu người bạn của mình là ai. - Kỉ niệm khiến mình xúc động là gì (khái quát). Thân bài: Tập trung kể về kỉ niệm xúc động ấy: - Xảy ra ở đâu? Lúc nào (thời gian, hoàn cảnh,...) Với ai (nhân vật) - Chuyện xảy ra như thế nào (mở đầu, diễn biến, kết	3.5 0.5 2.5

	quả) - Điều gì khiến em xúc động? (Biểu hiện của sự xúc động...) Kết bài: - Suy nghĩ, ấn tượng của em về kỉ niệm đó.	0.5
	d. Có quan điểm suy nghĩ, phát hiện độc đáo, mới mẻ, hợp lí, có sức thuyết phục, có cách trình bày, diễn đạt ấn tượng	0.5

***Lưu ý:**

Giáo viên chấm cần linh hoạt căn cứ vào bài làm cụ thể của học sinh để cho điểm thoả đáng đối với những bài viết có tính sáng tạo, trình bày sạch sẽ.

ĐỀ 10	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Câu 1: (3 điểm) Đọc đoạn trích sau:

“...Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”. (Lão Hạc-Nam Cao)

- Người kể trong đoạn trích là ai? Kể về sự việc gì?
- Chỉ ra các thán từ và các tình thái từ được sử dụng trong đoạn trích trên?
- Đặt một câu ghép chỉ nguyên nhân vì sao lão Hạc gọi tiền cho ông giáo?

Câu 2: (2 điểm) Nêu đặc điểm nổi bật của văn thuyết minh? Hãy liệt kê các phương pháp thuyết minh đã học?

Câu 3: (5 điểm) Dựa vào nội dung đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố, hãy tưởng tượng em là người chứng kiến tình huống chị Dậu chống trả lại cai lệ và tên người nhà lý trưởng. Hãy kể lại bằng lời văn của mình.

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM
Ngữ Văn 8 - HKI

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
1(3đ)	- Người kể trong đoạn trích là lão Hạc, kể về việc lão bán con chó vàng mà lão yêu quý.	1
	- Các thán từ: Này, a.	0,5
	- Các tình thái từ: ạ, à.	0,5
	- Đặt câu: Vd: Vì lão không muốn khi chết liên lụy đến hàng xóm nên lão đã gọi tiền ông giáo để lo ma chay cho mình.	1
2(2đ)	* Đặc điểm - Tri thức trong văn bản thuyết minh đòi hỏi tính khách quan, xác thực, hữu ích cho con người.	0,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thuyết minh được trình bày chính xác, rõ ràng, chặt chẽ.* Các phương pháp - Nêu định nghĩa, giải thích - Phương pháp liệt kê - Phương pháp nêu ví dụ - Phương pháp dùng số liệu - Phương pháp so sánh - Phương pháp phân loại, phân tích. <p>(Gv linh động cho điểm)</p>	<p>0,5</p> <p>1</p>
3(5d)	<ul style="list-style-type: none"> - MB: + Giới thiệu hoàn cảnh gia đình chị Dậu. + Tình huống người kể sang nhà chị Dậu. - TB: - Diễn biến sự việc + Chị Dậu đang chăm sóc chồng... + Thái độ của tên cai lệ và tên người nhà lý trưởng khi mới đến, Chị Dậu cầu xin ra sao... + Cao trào của sự việc (thái độ hung hãn của tên cai lệ, sự phản ứng qua từng cách xưng hô của chị Dậu, hai bên lao vào...) + Kết quả sự việc qua lời khẳng định của chị Dậu... - KB: + Ca ngợi hành động của chị Dậu vì thương chồng đã dũng cảm đứng lên bảo vệ chồng. + Khẳng định ý nghĩa của quy luật có áp bức, có đấu tranh. <p>(Gv linh động cho điểm)</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

ĐỀ 11	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. Văn – Tiếng việt: (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Cho đoạn văn sau:

“Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi ... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương ... VỢ tôi không ác nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.”

(Ngữ văn 8- Tập 1- NXB Giáo dục)

- a/ Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? (1 điểm)
b/ Những suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật nào? (0,5 điểm)
c/ Nêu nội dung chính của đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 2: (2 điểm).

a/ Câu ghép là gì? (0,5 điểm)

b/ Tìm câu ghép trong đoạn trích sau và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu? (1,5 điểm)

Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.

(Theo Vũ Tú Nam, Biển đẹp)

II. Tập làm văn: (6 điểm)

Thuyết minh về một giống vật nuôi mà em thích.

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I**Môn:** Ngữ văn Lớp 8**Thời gian : 90 phút**

Câu/ Bài	Nội dung	Thang điểm
Câu 1	a. Đoạn văn trên trích trong văn bản: “Lão Hạc”. Tác giả: Nam Cao b. Suy nghĩ của nhân vật ông giáo. c. Nội dung chính của đoạn văn: Nêu lên một thái độ sống, một cách ứng xử: cần có cái nhìn đầy đủ và toàn diện về những người xung quanh, biết tự đặt mình vào hoàn cảnh người khác thì mới có thể hiểu đúng về họ.	1 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 2	- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V được gọi là một vế câu. - Câu ghép trong đoạn trích: Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. - Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ điều kiện(giả thiết) - kết quả. (Nếu học sinh trả lời quan hệ điều kiện(giả thiết) vẫn đạt trọn số điểm)	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 3	Gợi ý: 1. Mở bài: Giới thiệu chung về con vật nuôi. 2. Thân bài: - Nguồn gốc: Nó có nguồn gốc từ đâu? Thuộc loại nào? - Hình dáng: + Giới thiệu bao quát con vật (Lớn bằng chừng nào? Độ bao nhiêu ký? Thân hình ra sao?) + Các đặc điểm về ngoại hình của con vật (Đầu, thân, chân, đuôi... mỗi bộ phận có những đặc điểm gì nổi bật?) - Đặc tính hoạt động: Thói quen sinh hoạt của con vật. - Đặc tính sinh sản. - Cách chăm sóc con vật nuôi. - Lợi ích của con vật nuôi trong gia đình. 3. Kết bài: Cảm nghĩ của em về con vật nuôi đó.	1 điểm 4 điểm 1 điểm

	<p>* Biểu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 5- 6: Đảm bảo các yêu cầu trên. Diễn đạt lưu loát, dùng từ chính xác, không sai lỗi chính tả, trình bày sạch đẹp, bài viết có cảm xúc, có sáng tạo . - Điểm 3- 4: Đảm bảo $\frac{1}{2}$ yêu cầu điểm 5- 6, đôi chỗ sai chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài, nhiều lỗi chính tả, diễn đạt, dùng từ, đặt câu. - Điểm dưới 1: Chưa biết viết bài văn biểu cảm, mắc quá nhiều lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chữ viết cẩu thả, xấu. - Điểm 0: Lạc đề 	
--	---	--

ĐỀ 12	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

PHẦN I. 2,5 điểm

“Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc...Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”

Trích *Lão Hạc* - Nam Cao

Sách Ngữ văn 8, tập một - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Em hãy đọc kỹ văn bản trên rồi trả lời các câu hỏi sau:

- 1) Hãy giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nam Cao.
- 2) Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề *Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945*.
- 3) Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện?
- 4) Em hiểu thế nào về nguyên nhân cái chết của lão Hạc?
- 5) Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc như thế nào qua đoạn kết trên?

PHẦN II 7,5 điểm

Câu 1. 1,5 điểm

Từ văn bản *Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000* (Sách Ngữ văn 8, tập một - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam), hãy trình bày suy nghĩ của em về bảo vệ môi trường bằng một đoạn văn ngắn (không quá 10 dòng Tờ giấy thi), trong đó có sử dụng biện pháp tu từ *Nói giảm, nói tránh*, chỉ rõ từ ngữ *Nói giảm, nói tránh* đã sử dụng.

Câu 2. 6,0 điểm

Viết bài văn thuyết minh giới thiệu về ngôi trường thân yêu của em.

--- HẾT ---
ĐÁP ÁN

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: 2,5 điểm

Câu	Nội dung	Điểm
1	Giới thiệu ngắn gọn về nhà văn Nam Cao:	1 đ
	- Nam Cao (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân (Nay là xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam.	0,25
	- Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những sáng tác chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ.	0,25
	- Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Nam Cao đi theo cách mạng, ông tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến.	0,25
	- Ông đã hi sinh trên đường công tác ở vùng sau lưng địch. Nam Cao được Nhà nước truy tặng <i>Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật</i> năm 1996	0,25
2	Kể tên các tác phẩm và tác giả thuộc chủ đề <i>Người nông dân Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945</i> : - HS kể được 2 tác phẩm và tác giả đã học trong sách Ngữ văn 8, tập một: <i>Tắt đèn</i> của nhà văn Ngô Tất Tố và <i>Lão Hạc</i> của nhà văn Nam Cao.	0,25 đ
3	Đoạn văn trên được kể ở ngôi nào, ngôi kể ấy có tác dụng như thế nào trong việc kể chuyện ? - Đoạn văn được kể ở ngôi thứ nhất. Ngôi kể ấy có tác dụng: Tăng thêm tính chân thực của chuyện, câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực hơn. - Qua lời kể của nhân vật <i>tôi</i> , câu chuyện được dẫn dắt tự nhiên,	0,5đ 0,25

	linh hoạt, giúp tác giả thể hiện sâu sắc suy nghĩ, tình cảm của nhân vật nên sức thuyết phục của câu chuyện cao hơn.	0,25
4	Nguyên nhân cái chết của lão Hạc: Tình cảnh đói khổ, túng quẫn đã đẩy lão Hạc đến cái chết như một hành động tự giải thoát - Qua đây ta thấy số phận cơ cực của người nông dân VN trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945.	0,25 đ
5	Thái độ, tình cảm của nhân vật “tôi” đối với lão Hạc qua đoạn kết trên: đồng cảm, xót xa trước cái chết đau đớn của lão Hạc; trân trọng nhân cách của lão Hạc...	0,5đ

II. PHẦN LÀM VĂN 7,5 điểm

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu 1		Yêu cầu: hs trình bày suy nghĩ về bảo vệ môi trường bằng một đoạn văn ngắn (không quá 10 dòng Tờ giấy thi), trong đó có sử dụng biện pháp tu từ <i>Nói giảm, nói tránh</i> , chỉ rõ từ ngữ <i>Nói giảm, nói tránh</i> đã sử dụng. HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau, nhưng phải nêu được 3 ý sau:	1,5đ
	Ý 1	- Nêu được tác hại của việc dùng bao bì ni lông, lợi ích của việc giảm bớt chất thải ni lông	0,5
	Ý 2	- Trách nhiệm của bản thân và cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường sống, bảo vệ Trái Đất - ngôi nhà chung của chúng ta	0,5
	Ý 3	- Có sử dụng biện pháp tu từ <i>Nói giảm, nói tránh</i> , chỉ rõ từ ngữ <i>Nói giảm, nói tránh</i> đã sử dụng	0,5
Câu 2		Viết bài văn thuyết minh giới thiệu về ngôi trường thân yêu của em. Yêu cầu: - HS biết vận dụng các phương pháp thuyết minh, quan sát, tích lũy kiến thức thực tế để viết bài văn thuyết minh về ngôi trường thân yêu của em. - Trong quá trình chấm bài, gv cần chú ý cách vận dụng lý thuyết kết hợp với kiến thức thực tế của hs, khuyến khích sự sáng tạo - những bài hs sao chép lại bài mẫu đã có trong sách giáo khoa và các loại sách tham khảo không cho điểm cao.	6,0đ
	1	Mở bài: - Giới thiệu khái quát về ngôi trường thân yêu của em. - Khuyến khích sự giới thiệu sáng tạo của hs (tạo ra một tình huống, một câu chuyện để giới thiệu về ngôi trường...)	1,0đ 0,5 0,5

	2	Thân bài: Yêu cầu hs biết vận dụng các phương pháp thuyết minh chủ yếu (nêu khái quát, giới thiệu, giải thích, liệt kê, so sánh, phân loại, dùng số liệu, có thể kết hợp miêu tả...) để làm rõ về ngôi trường - Thuyết minh về quá trình thành lập, trưởng thành, quy mô của ngôi trường, những thành tích tiêu biểu đã đạt được, giới thiệu về các thầy cô giáo, các bạn học sinh... - Thuyết minh, giới thiệu về ngôi trường: khung cảnh chung, cổng dậu, các dãy phòng học, phòng làm việc, sân chơi, vườn trường, cây xanh, các phòng học bộ môn, phòng đọc... Lưu ý: - Không yêu cầu học sinh phải nêu đủ các số liệu cụ thể, chính xác như diện tích, số học sinh...; hs phải vận dụng kiến thức đã học để thuyết minh về một đối tượng rất gần gũi với các em (ngôi trường thân yêu) - cần phân biệt rõ yêu cầu thuyết minh để làm rõ về ngôi trường, không lạc đề sang miêu tả hoặc kể chuyện về ngôi trường.	4,0 2,0 2,0
	3	Kết bài: - Bày tỏ thái độ, tình cảm của hs với ngôi trường - Nêu trách nhiệm của bản thân với việc xây dựng, phát huy thành tích, truyền thống của nhà trường...	1,0 0,5 0,5

VẬN DỤNG CHO ĐIỂM (Câu 2 Phần làm văn)

Điểm 5 - 6: Vận dụng tốt kiến thức đã học và kiến thức thực tế để làm bài văn thuyết minh về ngôi trường, trình bày đủ các ý cơ bản như trên, bài viết đảm bảo chính xác, gãy gọn, khúc chiết, sáng tỏ; diễn đạt tốt, trình bày đẹp, chữ viết đúng chính tả.

Điểm 3 - 4: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài văn thuyết minh về ngôi trường, trình bày tương đối đủ các ý cơ bản như trên, bài viết chưa đảm bảo chính xác, gãy gọn, diễn đạt có thể chưa tốt, còn có chỗ lạc sang miêu tả, giải thích, mắc một số lỗi chính tả.

Điểm 2 - 3: Chưa biết vận dụng kiến thức để làm bài văn thuyết minh, còn thiếu nhiều ý, nhiều chỗ lạc sang kể chuyện hoặc miêu tả lan man; bài viết chưa có bố cục mạch lạc, chữ viết chưa đúng chính tả, còn mắc nhiều lỗi diễn đạt.

Điểm 1: Chưa biết vận dụng kiến thức để làm bài văn thuyết minh, lạc đề.

Điểm 0: Bỏ giấy trắng.

Lưu ý: - Trong quá trình chấm bài, giáo viên cần hết sức quan tâm đến kỹ năng diễn đạt và trình bày của học sinh. Coi diễn đạt và trình bày cả nội dung & hình thức trình bày, chữ viết, chính tả là một yêu cầu rất quan trọng trong bài làm của hs.

- Khi cho điểm toàn bài, giáo viên cần xem xét cụ thể các yêu cầu này và có hướng khắc phục trong HK II với từng đối tượng học sinh.

Điểm toàn bài: làm tròn tới 0,5 (4,0; 4,5; 5,0; 5,5; 6,0).

ĐỀ 13	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I - PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 đ) - Thời gian làm bài 10 phút
Thí sinh chọn chữ cái chỉ kết quả mà em chọn là đúng và ghi vào tờ giấy làm bài.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi 1,2,3,4,5,6

Xe chạy chậm chậm - Mẹ tôi cầm nón vẩy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại, mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo ...

(Nguyên Hồng - *Những ngày thơ ấu*)

Câu 1: Văn bản chứa đoạn trích trên thuộc thể loại nào sau đây ?

- A. Phóng sự B. Hồi ký C. Tiểu thuyết D. Truyện ngắn

Câu 2: Đoạn trích trên diễn tả tâm trạng gì của bé Hồng ?

- A. Niềm tự hào khi gặp lại mẹ B. Sự hồi hộp khi gặp lại mẹ
C. Sự đau đớn khi gặp lại mẹ D. Nổi xúc động khi gặp lại mẹ

Câu 3: Dòng nào sau đây chỉ ra các động từ có cùng phạm vi nghĩa ?

- A. chạy, vẩy B. vẩy, đuổi C. chạy, ríu D. nức nở, sụt sùi

Câu 4: Câu *Mẹ tôi cầm nón vẩy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp.* thuộc kiểu câu gì ?

- A. Câu ghép B. Câu rút gọn C. Câu đặc biệt D. Câu đơn

Câu 5: Trong đoạn văn trên có bao nhiêu từ láy ?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 6 : Đoạn văn được trích dẫn sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu nào ?

- A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

*Học sinh trả lời tiếp từ câu 7 đến câu 12

Câu 7: Biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong văn bản *Đánh nhau với cối xay gió* là gì ?

- A. Phép nhân hoá B. Phép nói quá C. Phép tương phản D. Phép ẩn dụ

Câu 8: Vì sao Đôn Ki - hô - tê lại đánh nhau với cối xay gió ?

- A. Tưởng đó là kẻ thù của mình B. Tưởng đó là gã khổng lồ
C. Tưởng đó là con vật nguy hiểm D. Tưởng mình là người có sức mạnh siêu phàm

Câu 9: Từ nào dưới đây **không** phải là từ tượng hình ?

- A. Lò dò B. Rũ rượi C. Hu hu D. Mếu máo

Câu 10: Ai là người kể chuyện trong truyện ngắn *Lão Hạc* ?

A. Lão Hạc

B. Bình Tư

C. Tôi

D. Vợ ông giáo

Câu 11: Trong câu “*Ngay tôi cũng không biết đến việc này.*” từ nào là trợ từ ?

A. ngay

B. tôi

C. không

D. này

Câu 12: Cách nói nào sau đây **không** sử dụng phép nói quá ?

A. Không một ai có mặt

B. Cười vỡ bụng

C. Đứt từng khúc ruột

D. Một tác đến trời

- Hết -

ĐÁP ÁN

II - PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 đ) - Thời gian làm bài 80 phút

Câu 1: (3,0 đ) Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu a, b, c, d

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ố... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận...

(Nam Cao – Lão Hạc)

- Khái quát nội dung của đoạn văn bằng một câu hoàn chỉnh.
- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.
- Tìm 2 câu ghép có trong đoạn văn.
- Qua đoạn văn trên, em cảm nhận nhân vật “tôi” là người như thế nào? (Trình bày bằng một đoạn văn ngắn không quá 5 câu).

Câu 2: (4.0 đ) Viết bài văn giới thiệu về một đồ dùng học tập của học sinh.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra HỌC KÌ I, Năm học 2017-2018 - Môn NGỮ VĂN, Lớp 8

I - PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Kết quả	B	D	D	A	C	B	C	B	C	C	A	A

II - PHẦN TỰ LUẬN : (7,0 đ)

Câu 1: (3,0 đ)

- Nội dung của đoạn văn: Nhân vật “tôi” đang thuyết phục chính mình không nên giận vợ. (0,5đ)
- Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn : Nghị luận. (0,5đ)
- Học sinh tìm đúng 2 câu ghép trong đoạn văn. (1,0đ)
- Học sinh viết đoạn văn ngắn (không quá 5 câu) nêu cảm nhận của mình về nhân vật “tôi” trong đoạn văn (có thể nêu xung quanh ý: ông giáo là người yêu

thương vợ, nhân hậu, rộng lượng, luôn suy nghĩ về cách nhìn và đánh giá con người...) (1,0đ)

Câu 2: (4,0 đ)

1. Yêu cầu:

a) Hình thức: Học sinh viết được một bài văn thuyết minh có bố cục rõ ràng; diễn đạt trong sáng, dễ hiểu; không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả ...

b) Nội dung: Giới thiệu về một đồ dùng học tập của học sinh.

2. Tiêu chuẩn cho điểm:

A. Mở bài (0,5 đ): Nêu đối tượng thuyết minh.

B. Thân bài (3,0 đ)

- Cấu tạo của đồ dùng: gồm mấy bộ phận, các bộ phận đó gồm những gì, chất liệu gì, có liên quan với nhau như thế nào? (1,0 đ)

- Ích lợi của đồ dùng đó trong việc học tập của học sinh (1,0 đ)

- Cách sử dụng và bảo quản (1,0 đ)

C. Kết bài (0,5đ): Bày tỏ thái độ của người viết đối với đồ dùng.

* **Lưu ý:** Do đặc trưng bộ môn Ngữ văn, giáo viên cần vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm; nên khuyến khích những bài làm sáng tạo.

- Hết -

ĐỀ 14	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I. Đọc - hiểu (3,0 điểm)

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bấy giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn côi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc ? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ lùng.

(Trích *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng,

Ngữ văn 8,

tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Câu 1. Các từ *mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng* thuộc trường từ vựng nào ? (0,5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích trên, tác giả đã kết hợp các phương thức biểu đạt nào ? (0,5 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung khái quát của đoạn trích. (1,0 điểm)

Câu 4. Vì sao bé Hồng vô cùng sung sướng, hạnh phúc khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ. (1,0 điểm)

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn (7 - 10 câu) bày tỏ tình yêu của em đối với mẹ. (2 điểm)

Câu 2. Thuyết minh về chiếc bút bi. (5 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn - Lớp (Khối): 8

Thời gian làm bài: 90 phút

(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

<i>Phần</i>	<i>Câu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Điểm</i>
PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm)	1	Các từ <i>mặt, mắt, da, gò má, đôi, đầu, cánh tay, miệng</i> thuộc trường từ vựng <i>các bộ phận con người</i> .	0,5
	2	Trong đoạn trích trên, tác giả đã kết hợp các phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.	0,5
	3	Nội dung khái quát của đoạn trích: Niềm sung sướng đến cực điểm của bé Hồng khi gặp lại mẹ.	1,0
	4	Bé Hồng vô cùng sung sướng, hạnh phúc khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ là vì: - Cảm giác sung sướng đến mê li, rạo rực cả người khi được hít thở trong bầu không khí của tình mẫu tử tuyệt vời...	0,5
		- Tất cả mọi giác quan của Hồng đều thức dậy và mở ra để cảm nhận tận cùng những cảm giác rạo rực, sung sướng cực điểm khi được ngồi trong vòng tay dịu dàng của mẹ.	0,5
PHẦN II. LÀM VĂN (7 điểm)	1 (2 điểm)	HS viết đoạn văn: Trên cơ sở nội dung của đoạn trích, bày tỏ tình yêu của mình đối với mẹ. Về hình thức phải có mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn. Các câu phải liên kết với nhau chặt chẽ về nội dung và hình thức	
		a. Đảm bảo về thể loại, thể thức, số câu.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề, có liên hệ thực tế.	0,25
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: Vận dụng tốt các phương thức biểu đạt. Có thể viết đoạn văn theo ý sau:	1,0
		- Mẹ là niềm hạnh phúc mà con có được, là người phụ nữ chịu thương chịu khó nhất, là người phải gồng mình gánh vác gia đình, là người cho con người sống, cho con nghị lực, cho con mọi thứ tốt đẹp nhất trên đời... - Niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời của mỗi người là có mẹ và còn mẹ bên cạnh chúng ta. - Tình yêu của mẹ là vô điều kiện sẽ không bao giờ mất đi dù cho con có làm bất cứ điều gì mẹ cũng không trách.	

		<p>- Kể một số việc làm và hành động của em thể hiện tình yêu với mẹ: Giúp đỡ mẹ làm công việc nhà những lúc bố mẹ mệt hoặc ốm đau; tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách,...</p> <p>- Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc vì với riêng bản thân em mẹ là điều tuyệt vời nhất và là niềm hạnh phúc to lớn nhất mà em có được.</p>	
		<i>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề (tình yêu của em đối với mẹ).</i>	0,25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0,25
	<p>2 (5 điểm)</p>	<p>Viết bài văn thuyết minh</p> <p>Đề: Thuyết minh về chiếc bút bi.</p>	
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.</i></p> <p>Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Các phần, câu, đoạn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức. Sử dụng phương pháp thuyết minh hợp lí.</p>	0,5
		<i>b. Xác định đúng kiểu bài và đối tượng thuyết minh; biết liên hệ thực tế và mở rộng vấn đề.</i>	0,5
		<p><i>c. Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo các ý sau:</i></p> <p>* Mở bài. Học sinh giới thiệu khái quát về chiếc bút bi.</p>	0,5
		<p>* Thân bài</p> <p>- Nguồn gốc, xuất xứ: + Nguồn gốc xuất xứ của các loại bút + Giới thiệu được các loại bút</p> <p>- Cấu tạo: + Cấu tạo bên ngoài: vỏ bút, chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, công dụng + Cấu tạo bên trong: chất liệu, cấu tạo, công dụng, nguyên tắc hoạt động của viên bi khi ta viết ..</p> <p>- Thuyết minh được công dụng của cây bút. + Học sinh sử dụng bút để viết bài và làm bài tập. + Thầy cô dùng bút để soạn bài. + Các nhà lãnh đạo dùng bút để ký duyệt các kế hoạch + Các bà các mẹ nội trợ dùng bút để ghi chép cách nấu các món ăn ...</p>	0,25 0,25
		<p>- Thuyết minh về cách sử dụng và bảo quản. + Cất vào hộp cẩn thận khi không sử dụng + Viết xong cần đặt nắp lại ngay + Không viết bút lên các bề mặt cứng như gỗ, đá, kim loại... + Không làm rơi bút.....</p>	1,0
		<p>* Kết bài. Đánh giá được vai trò, vị trí của cây bút trong đời sống của</p>	1,0
			0,5

khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi. (...)

(Ngữ văn 8, tập một)

Học sinh trả lời đúng, mỗi câu được 0,5 điểm:

- a) Phần trích trên thuộc văn bản nào?
- Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000 (0,5đ)
- b) Văn bản ở câu a thuộc loại văn bản gì?
- Văn bản nhật dụng (0,5đ)
- c) Bao bì ni lông ở phần trích được coi là gì?
- Rác thải sinh hoạt (0,5đ)
- d) Văn bản ở câu a viết về chủ đề nào?
- Bảo vệ môi trường (0,5đ)
-

Câu 2 (2 điểm): Thế nào là câu ghép? Tìm cụm C - V (chủ ngữ, vị ngữ) trong câu ghép dưới đây và cho biết mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép?

Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

- Học sinh nêu đúng định nghĩa câu ghép: (1 điểm)

Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu.

- Xác định đúng các cụm C-V và trả lời đúng mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép như ở dưới : (1 điểm)

Cảnh vật chung quanh tôi // đều thay đổi, vì chính lòng tôi // đang có sự thay đổi lớn:

C	V	C	V
hôm nay <u>tôi đi học</u> .			
C	V		

=> Quan hệ ý nghĩa: vế 1 với vế 2: quan hệ nguyên nhân - kết quả,
vế 2 với vế 3: quan hệ giải thích. (0.5)

.....

Câu 3 (6 điểm): Em hãy giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam.

1/ Yêu cầu:

*** Về hình thức:** Đề ra thuộc kiểu bài văn thuyết minh kết hợp miêu tả và biểu cảm.

HS cần sử dụng các chi tiết, từ ngữ, câu văn chính xác; biết sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm để làm cho bài văn sinh động...

*** Về nội dung:** Học sinh phải giới thiệu được đặc điểm, tác dụng và ý nghĩa của chiếc nón lá Việt Nam.

Bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

a) Mở bài: Giới thiệu chung về chiếc nón lá Việt Nam.

b) Thân bài: Tập trung trình bày đặc điểm, lợi ích của chiếc nón lá.

- Giới thiệu về đặc điểm của chiếc nón lá Việt Nam như hình dáng, nguyên liệu làm nón, cách làm, nón được làm ở đâu, địa phương nổi tiếng về nghề làm nón...

- Ích lợi của chiếc nón lá, nón có tác dụng như thế nào trong cuộc sống đời thường, trong tinh thần, văn hóa của người Việt Nam.

- Nón có thể biểu tượng cho cái gì, về đẹp gì, vì sao được nhân dân ta yêu thích, giữ gìn...

c) Kết bài: Nhân mạnh giá trị, bày tỏ tình cảm, thái độ của mình đối với chiếc nón lá Việt Nam.

2/ Biểu điểm:

- Điểm 5,5 -> 6,0: Bài viết hay, sáng tạo.
- Điểm 4,5 -> 5,0: Bài viết mức độ khá.
- Điểm 3,0 -> 4,0: Bài viết mức độ trung bình.
- Điểm < 2,5: Bài viết mức độ yếu, quá yếu.

Lưu ý: Tùy mức độ bài làm của HS, giáo viên chấm điểm linh hoạt, đảm bảo hợp lý; cần trân trọng những bài viết có ý tưởng, sáng tạo, giàu chất văn.

.....

ĐỀ 16	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

I. Văn – Tiếng việt: (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Cho đoạn văn sau:

“Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi ... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương ... Vợ tôi không ác nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.”

(Ngữ văn 8- Tập1- NXB Giáo dục)

- a/ Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? (1 điểm)
- b/ Những suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật nào? (0,5 điểm)
- c/ Nêu nội dung chính của đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 2: (2 điểm).

- a/ Câu ghép là gì? (0,5 điểm)
- b/ Tìm câu ghép trong đoạn trích sau và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu? (1,5 điểm)

Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.

(Theo Vũ Tú Nam, Biển đẹp)

II. Tập làm văn: (6 điểm)

Thuyết minh về một giống vật nuôi mà em thích.

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn Lớp 8

Thời gian : 90 phút

Câu/ Bài	Nội dung	Thang điểm
Câu 1	a. Đoạn văn trên trích trong văn bản: “Lão Hạc”. Tác giả: Nam Cao b. Suy nghĩ của nhân vật ông giáo. c. Nội dung chính của đoạn văn: Nêu lên một thái độ sống, một cách ứng xử: cần có cái nhìn đầy đủ và toàn diện về những người xung quanh, biết tự đặt mình vào hoàn cảnh người khác thì mới có thể hiểu đúng về họ.	1 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 2	- Câu ghép là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V được gọi là một vế câu. - Câu ghép trong đoạn trích: Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. - Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: quan hệ điều kiện(giả thiết) - kết quả. (Nếu học sinh trả lời quan hệ điều kiện(giả thiết) vẫn đạt trọn số điểm)	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 3	Gợi ý: 1. Mở bài: Giới thiệu chung về con vật nuôi. 2. Thân bài: - Nguồn gốc: Nó có nguồn gốc từ đâu? Thuộc loại nào? - Hình dáng: + Giới thiệu bao quát con vật (Lớn bằng chừng nào? Độ bao nhiêu ký? Thân hình ra sao?) + Các đặc điểm về ngoại hình của con vật (Đầu, thân, chân, đuôi... mỗi bộ phận có những đặc điểm gì nổi bật?) - Đặc tính hoạt động: Thói quen sinh hoạt của con vật. - Đặc tính sinh sản. - Cách chăm sóc con vật nuôi. - Lợi ích của con vật nuôi trong gia đình. 3. Kết bài: Cảm nghĩ của em về con vật nuôi đó. * Biểu điểm: - Điểm 5- 6: Đảm bảo các yêu cầu trên. Diễn đạt lưu loát, dùng từ chính xác, không sai lỗi chính tả, trình bày sạch đẹp, bài viết có cảm xúc, có sáng tạo . - Điểm 3- 4: Đảm bảo ½ yêu cầu điểm 5- 6, đôi chỗ sai chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài, nhiều lỗi chính tả, diễn đạt, dùng từ, đặt câu. - Điểm dưới 1: Chưa biết viết bài văn biểu cảm, mắc quá nhiều lỗi diễn đạt,	1 điểm 4 điểm 1 điểm

	dùng từ, đặt câu, chữ viết câu thả, xấu. - Điểm 0: Lạc đề	
--	--	--

ĐỀ 17	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Câu 1 (1,0 đ)

Thế nào là trường từ vựng? Hãy đặt tên trường từ vựng cho dãy từ sau: *đi, đứng, chạy, nhảy, giẫm, đập.*

Câu 2 (2,0 đ)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu của đề:

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẩy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:
- Con nín đi! Mẹ đã về với các con rồi mà.

(Nguyễn Hồng, Trong lòng mẹ)

- Xác định trong đoạn trích câu văn có sử dụng tình thái từ cầu khiến.
- Tìm trong đoạn trích các từ láy tượng hình và tượng thanh.
- Xét về mặt cấu tạo, câu “*Mẹ tôi cầm nón vẩy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp.*” thuộc kiểu câu gì?
- Dấu hai chấm được sử dụng trong đoạn trích có tác dụng gì?

Câu 3 (2,0 đ)

Nêu giá trị nghệ thuật và nội dung truyện *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen.

Câu 4 (5,0 đ)

Trong thế giới thực vật, mỗi loài hoa có vẻ đẹp và ý nghĩa riêng. Hãy thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
Câu 1 (1.0 đ)	Thế nào là trường từ vựng? Hãy đặt tên trường từ vựng cho dãy từ sau: <i>đi, đứng, chạy, nhảy, giẫm, đập.</i>	

	- Trường từ vựng là tập hợp của tất cả các từ có nét chung về nghĩa.	0.5
	- Đặt tên trường từ vựng: Hoạt động của chân.	0.5
Câu 2 (2.0 đ)	Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu của đề:	
	a. Câu văn có sử dụng tình thái từ cầu khiến: <i>Con nín đi!</i>	0.5
	b. Các từ láy tượng hình và tượng thanh: <i>chầm chầm, hồng hộc, nước nổ, sục sùi.</i>	0.5
	c. Câu ghép	0.5
	d. Dấu hai chấm có tác dụng: đánh dấu (báo trước) lời đối thoại.	0.5
Câu 3 (2.0đ)	Nêu giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản <i>Cô bé bán diêm</i> (An-đéc-xen).	
	Giá trị nghệ thuật: Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết diễn biến hợp lý.	1.0
	Giá trị nội dung: Truyện kể về hoàn cảnh đáng thương của cô bé bán diêm, qua đó, nhà văn truyền cho người đọc lòng thương cảm chân thành, sâu sắc đối với những con người bất hạnh.	1.0
Câu 4 (5.0 đ)	Trong thế giới thực vật, mỗi loài hoa có vẻ đẹp và ý nghĩa riêng. Hãy thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.	
	a. Yêu cầu về kĩ năng: - Bài làm phải được tổ chức thành bài làm văn hoàn chỉnh. - Vận dụng được các kiến thức về văn thuyết minh và kỹ năng làm văn thuyết minh. - Kết cấu chặt chẽ; ngôn từ chính xác, dễ hiểu; hạn chế lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; chữ viết rõ ràng dễ theo dõi; trình bày sạch, đẹp.	
	b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể tổ chức bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những ý cơ bản sau:	
	- Giới thiệu tên loài hoa mà em yêu thích.	1.0
	- Thuyết minh về đặc điểm, phẩm chất của hoa: + Đặc điểm của hoa: nguồn gốc, thân, lá, nụ, hoa...; + Vai trò và tác dụng của hoa trong cuộc sống; + Ý nghĩa của loài hoa; + Cách trồng, cách chăm bón.	3.0
	- Nêu cảm nghĩ và bài học về niềm vui sống giữa thiên nhiên, hoa cỏ.	1.0
	* <i>Giáo viên định điểm bài làm của học sinh cần căn cứ vào mức độ đạt được ở cả hai yêu cầu: kiến thức và kỹ năng.</i>	

ĐỀ 18

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn NGỮ VĂN LỚP 8
Thời gian: 90 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3đ) (Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất)**1. Văn bản “Lão Hạc” là của tác giả nào sau đây:**

A. Nam Cao B. Ngô Tất Tố C. Thanh Tịnh D. Nguyên Hồng.

2. Văn bản “Tức nước vỡ bờ” được viết theo thể loại nào?

A. Truyện ngắn B. Truyện dài C. Hồi kí D. Tiểu thuyết.

3. Trong văn bản “*Chiếc lá cuối cùng*”, lí do nào sau đây không làm cho chiếc lá mà cụ Bơ-men vẽ trở thành kiệt tác ?

- A. Được vẽ bằng tấm lòng cao cả, sự hi sinh âm thầm B. Tác phẩm đó bán được nhiều tiền
C. Tác phẩm đó cứu sống Giôn-xi D. Tác phẩm đó vẽ quá hoàn hảo, giống như thật.

4. Trong văn bản “*Cô bé bán diêm*”, những lần quẹt diêm và mộng tưởng được xây dựng bằng nghệ thuật gì??

- A. So sánh B. Tưởng tượng C. Tưởng tượng và phép tương phản D. Nói quá.

5. Qua văn bản “*Thông tin về ngày Trái đất năm 2000*”, em thấy việc dùng bao bì ni lông không có tác hại nào sau đây?

- A. Làm cản trở quá trình phát triển của thực vật B. Làm chết các sinh vật do chúng nuốt phải
C. Nếu bị đốt, gây nhiều bệnh nguy hiểm cho con người D. Chất hắc ín gây ung thư.

6. Nhận định nào nói đúng nhất về tác hại của thuốc lá?

- A. Ảnh hưởng đến sức khỏe người hút B. Ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế, đạo đức con người.
C. Gây nhiều bệnh tật nguy hiểm D. Ảnh hưởng đến người hút và những người xung quanh

7. Những từ nào sau đây cùng trường từ vựng với nhau?

- A. Kháng sinh, thuốc giun, ăm-pi-xi-lin B. Thầy giáo, cô giáo, học sinh, sinh viên, giám đốc
C. Hoa hồng, hoa lay ơn, hoa huệ D. Bút bi, bút máy, bút lông, bút điện.

8. Nhóm từ nào sau đây không phải tất cả là từ tượng hình?

- A. Lò dò, lò cò, sột soạt B. Lung linh, long lanh, lấp lánh
C. Lênh khênh, chập chững, D. Lom khom, nhấp nhô, phập phồng

9 Trong câu “*Vì không học bài cũ nên mình bị lãnh trúng ngỗng môn Địa lí*”, từ “*trúng ngỗng*” thuộc loại từ ngữ nào?

- A. Từ địa phương B. Biệt ngữ xã hội C. Từ toàn dân D. Một loại từ ngữ khác

10 Từ “*à*” trong câu: “*Ngày mai, bạn sẽ đi Đà Nẵng à?*” thuộc loại tình thái từ nào?

- A. Tình thái từ nghi vấn B. Tình thái từ cầu khiến
C. Tình thái từ cảm thán D. Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm

11 Trong câu “*Chính cô giáo chủ nhiệm đã đến thăm mẹ mình hôm qua.*”, trợ từ là?

- A. Chính B. Đã C. Mình D. Thăm

12 Thành ngữ nào sau đây không sử dụng phép nói quá?

- A. Gần nhà xa ngõ B. Khỏe như voi C. Đen như than D. Trắng như tuyết.

II. Phần tự luận (7đ)

1. Nêu giá trị nghệ thuật của văn bản: *Chiếc lá cuối cùng* (1đ)

2. Xác định cấu trúc cú pháp trong câu ghép sau và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu?(1đ)

Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

(Thanh Tịnh – Tôi đi học)

3. Thuyết minh về một đồ dùng trong nhà hoặc một dụng cụ học tập (5đ)

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 3đ- Đúng mỗi ý 0,25đ

ĐA	B	D	B	C	D	B	D	A	B	A	A	A
----	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

II. PHẦN TỰ LUẬN 7đ

1. Nêu giá trị nghệ thuật của văn bản: Chiếc lá cuối cùng
 - Dàn dựng cốt truyện chu đáo, các tình tiết được sắp xếp tạo nên hứng thú đối với độc giả. (0,5đ)
 - Đảo ngược tình huống 2 lần. Hai sự kiện bất ngờ đối lập nhau tạo nên sự hấp dẫn cho thiên truyện. (0,5đ)
2. Xác định cấu trúc cú pháp trong câu ghép sau và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu?(1đ)
Cảnh vật chung quanh tôi/ đều thay đổi, vì chính lòng tôi/ đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi / đi học . (0,5đ)
 (Thanh Tịnh – Tôi đi học)
 -Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu: giải thích (0,5đ)
3. Thuyết minh về một đồ dùng hoặc một dụng cụ học tập (5đ)
 - MB: Giới thiệu vật dụng cần thuyết minh.(1đ)
 - TB: Thuyết minh các đặc điểm: (2đ)
 - + Nguồn gốc xuất xứ, chủng loại
 - + Đặc điểm hình dạng cấu tạo
 - + Công dụng
 - + Cách sử dụng và bảo quản
 - KB: Khẳng định vai trò, vị trí của vật dụng đó trong đời sống con người. (1đ)

Đảm bảo bố cục: 2đ; Diễn đạt trôi chảy, không sai chính tả: 2đ .Bài viết có sáng tạo (1đ)

ĐỀ 19	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I: Tiếng Việt (2 điểm)

Trong 8 câu hỏi sau, mỗi câu có 4 phương án trả lời A, B, C, D; trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy chọn phương án đúng viết vào tờ giấy làm bài.

Câu 1: Từ “*Này*” trong phần trích: “*Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn!*” (Lão Hạc) thuộc từ loại nào dưới đây?

- | | |
|------------|-----------------|
| A. Thán từ | B. Quan hệ từ |
| C. Trợ từ | D. Tình thái từ |

Câu 2: Dấu ngoặc đơn dùng để:

- A. Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.
- B. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp hay lời đối thoại.
- C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.
- D. Đánh dấu phần chú thích.

Câu 3: Trong những câu sau, câu nào là câu ghép?

- A. Tôi mãi một chạy sang.
- B. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra.
- C. Lão hầy yên lòng mà nhắm mắt.
- D. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.

Câu 4: Trong các từ sau đây, từ nào là từ tượng hình?

- | | |
|------------|------------|
| A. Lú lo | B. Véo von |
| C. Lon ton | D. Rả rích |

Câu 5: Thành ngữ nào dưới đây sử dụng phép tu từ nói quá ?

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| A. Chuột sa chĩnh gạo | B. Đầu voi đuôi chuột |
|-----------------------|-----------------------|

C. Khỏe như voi

D. Lên thác xuống ghềnh.

Câu 6: Câu văn “*Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!*” (Nam Cao) sử dụng phép tu từ nói giảm nói tránh nhằm:

A. Tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

B. Tránh gây cảm giác quá đau buồn, nặng nề.

C. Tránh thô tục, thiếu lịch sự.

D. Phóng đại quy mô, tính chất của sự vật, sự việc.

Câu 7: Từ “*ạ*” trong câu “*Cậu Vàng đi đời rồi ông giáo ạ!*” (Nam Cao) là:

A. Trợ từ

B. Thán từ

C. Tình thái từ

D. Quan hệ từ.

Câu 8: Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ gì?

“*Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình.*” (O Hen-ri)

A. Ẩn dụ

B. Hoán dụ

C. Nói quá

D. Nói giảm nói tránh

Phần II: Đọc – hiểu văn bản (3,5 điểm)

Em hãy đọc phần trích sau:

“*Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu. Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:*

- *Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!*

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

- *Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!*

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu...”

(Theo SGK Ngữ Văn 8, tập một, trang 30-31)

1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai?

2. Chỉ ra phương thức biểu đạt chủ yếu được sử dụng trong đoạn văn trên.

3. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Từ văn bản có đoạn văn được dẫn ở trên, em rút ra được quy luật gì trong cuộc sống?

4. Trong cuộc sống hôm nay, nếu chứng kiến cảnh người phụ nữ hay một bé gái bị chồng, cha ngược đãi, em sẽ ứng xử như thế nào? (*Viết thành một đoạn văn từ 6 đến 8 dòng*).

Phần III: Tập làm văn (4,5 điểm)

Ngày đầu tiên đi học luôn để lại những ấn tượng khó phai mờ trong ngân kí ức tuổi thơ của mỗi người. Bằng một bài văn, hãy kể lại kỉ niệm ngày đầu tiên đi học của em.

- HẾT-

ĐÁP ÁN

Phần I. Tiếng Việt (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
-----	---	---	---	---	---	---	---	---

Đáp án	A	D	B	C	C	B	C	D
--------	---	---	---	---	---	---	---	---

Trả lời đúng mỗi câu cho 0,25 điểm. Trả lời sai hoặc thừa thì không cho điểm.

Phần	Nội dung	Điểm
Phần II: Đọc–hiểu văn bản (3,5 điểm)	1. - Đoạn văn trích từ tác phẩm “Tắt đèn” - Tác giả: Ngô Tất Tố	0,25 0,25
	2. Phương thức biểu đạt chủ yếu: Tự sự. (Nếu HS nêu nhiều phương thức biểu đạt thì không cho điểm)	0,5
	3. - Nội dung chính của đoạn văn: Diễn tả cuộc phản kháng quyết liệt của chị Dậu với cai lệ khi hắn cùng người nhà lí trưởng đến nhà vợ chồng chị Dậu đòi bắt anh Dậu vì thiếu sưu. - Quy luật: Tức nước vỡ bờ, có áp bức có đấu tranh (HS chỉ cần nêu được 1 trong hai cách trên vẫn cho điểm tối đa).	0,75 0,5
	4. * Yêu cầu hình thức: HS biết viết đoạn văn; diễn đạt rõ ràng, trôi chảy; độ dài đoạn văn phù hợp yêu cầu (từ 6 đến 8 dòng). * Yêu cầu nội dung: HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau. Học sinh có thể đưa ra hai trong những phương án sau: - Giải thích để người ngược đãi hiểu đó là việc làm vi phạm luật bình đẳng giới, vi phạm quyền trẻ em. - Chạy báo để mọi người xung quanh cùng biết, cùng can ngăn, đưa người bị hại ra khỏi nơi bị ngược đãi. - Báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng gần nhất để kịp thời xử lý kẻ ngược đãi. ...	0,25 1,0
Phần III: Tập làm văn (4,5 điểm)	* Yêu cầu chung: - Viết bài văn hoàn chỉnh, bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. - Ngôi kể: thứ nhất, xưng tôi hoặc em - Biết vận dụng kĩ năng làm bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. - Kết cấu bài làm chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; văn viết có cảm xúc chân thành, tự nhiên, hợp lí. Biết sử dụng các biện pháp tu từ trong bài văn. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
	* Yêu cầu cụ thể: a. Mở bài: *Yêu cầu: Giới thiệu về ngày đầu tiên đi học, ấn tượng chung. *Cách cho điểm: - Điểm 0,25: đảm bảo yêu cầu - Điểm 0: thiếu hoặc sai hoàn toàn.	0,25
	b. Thân bài: *Yêu cầu: Lần lượt kể lại các sự việc trong ngày đầu tiên đi học - Trước ngày khai trường: mẹ đưa đi mua quần áo mới, cặp sách, giày dép... - Trên đường đến trường: + Miêu tả cảnh vật trên đường đến trường	4,0

	<ul style="list-style-type: none"> + Tâm trạng, cảm xúc của em trên đường đến trường - Khi đến trường và khi dự lễ khai giảng: + Miêu tả lại quang cảnh của trường, không khí đông vui náo nhiệt trên sân trường. + Các hoạt động diễn ra trong lễ khai giảng + Ấn tượng, cảm xúc của em về ngôi trường - Tâm trạng của em khi ngồi trong lớp học. Ấn tượng về thầy (cô) giáo, về bạn bè như thế nào?... * Cách cho điểm: - Điểm 3,5 - 4: Đảm bảo tốt tất cả các yêu cầu, có sáng tạo riêng, văn viết có cảm xúc. - Điểm 2,5 - 3: Lựa chọn được các sự việc, các hình ảnh tiêu biểu, đúng trọng tâm, văn có cảm xúc nhưng đôi chỗ diễn đạt chưa thật hay. - Điểm 2: Đảm bảo một nửa số ý. Còn mắc một số lỗi sai về chính tả, dùng từ, đặt câu - Điểm 1 – 1,5: Nội dung chưa thật phong phú, đạt 1/3 số ý, chưa biết kết hợp với miêu tả và biểu cảm, còn mắc một số lỗi sai về chính tả, dùng từ, đặt câu. - Điểm 0,5: Đảm bảo một vài sự việc nhưng đơn điệu, mắc nhiều lỗi sai chính tả, dùng từ, đặt câu - Điểm 0: Không làm bài hoặc sai lạc hoàn toàn với yêu cầu của đề bài. 	
	<p>c. Kết bài:</p> <p>*Yêu cầu: Nêu ấn tượng sâu sắc, cảm xúc, suy nghĩ của em về ngày đầu tiên đến trường.</p> <p>*Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 0,25: đảm bảo yêu cầu - Điểm 0: thiếu hoặc sai hoàn toàn. <p>* Chú ý:</p> <p><i>1. Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng trình độ của học sinh, không đếm ý cho điểm, khuyến khích những bài viết sáng tạo, giàu cảm xúc, diễn đạt tốt.</i></p> <p><i>2. Chỉ để điểm lẻ thập phân ở mức 0,5</i></p>	0,25

ĐỀ 20	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất (từ câu 1.1 đến câu 1.4).

“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!
- Cự bán rồi?
- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyền sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...”

(Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1.1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào:

- A. Lão Hạc. B. Tôi đi học. C. Trong lòng mẹ. D. Hai cây Phong.

Câu 1.2. Đoạn trích trên thuộc thể loại:

- A. Nghị luận. B. Thuyết minh. C. Truyện ngắn. D. Tiểu thuyết.

Câu 1.3. Dấu hai chấm trong đoạn trích dùng để:

- A. Báo trước lời đối thoại. B. Báo trước phần giải thích.
C. Báo trước phần thuyết minh. D. Báo trước lời dẫn trực tiếp.

Câu 1.4. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:

- A. Miêu tả. B. Tự Sự.
C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất (từ câu 2.1 đến câu 2.3).

"Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ".

(Ngữ văn 8- tập 1)

Câu 2.1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi kể:

- A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.
C. Ngôi thứ ba. D. Ngôi thứ tư.

Câu 2.2. Câu nào là câu ghép trong các câu sau:

- A. Ta khó mà ở cho vừa ý họ.
B. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế.
C. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng.
D. Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm.

Câu 2.3. Câu ghép trong đoạn trích trên các vế được nối với nhau bằng cách nào:

- A. Dấu phẩy + quan hệ từ.
B. Dấu chấm.
C. Dấu hai chấm.
D. Dấu hỏi chấm.

Phần II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 3. (2,0 điểm)

Xác định nội dung chính của đoạn trích ở câu 1. Qua nhân vật Lão Hạc, em có suy nghĩ gì về phẩm chất và số phận người nông dân trong xã hội cũ? Hãy trình bày suy nghĩ của mình bằng một đoạn văn ngắn từ (5 đến 7 câu).

Câu 4. (6,0 điểm) Thuyết minh về một thứ đồ dùng mà em yêu thích.

- Hết -

Lưu ý: Giám thị coi thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm								
Trắc nghiệm	Câu 1	<table><tr><td>1.1</td><td>1.2</td><td>1.3</td><td>1.4</td></tr><tr><td>A</td><td>C</td><td>A</td><td>A, B</td></tr></table>	1.1	1.2	1.3	1.4	A	C	A	A, B	1,0
	1.1	1.2	1.3	1.4							
A	C	A	A, B								
	Câu 2	<table><tr><td>2.1</td><td>2.2</td><td>2.3</td></tr><tr><td>A</td><td>D</td><td>A</td></tr></table>	2.1	2.2	2.3	A	D	A	1,0		
2.1	2.2	2.3									
A	D	A									
Tự luận	Câu 3	<p>- Đoạn trích thể hiện tâm trạng đau đớn, dằn vặt, xót xa, ân hận của lão Hạc khi bán con chó vàng.</p> <p>- Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ, bất hạnh. Nhưng ông lại có những phẩm chất cao quý đáng trân trọng đó là sự chăm chỉ, hiền lành, nhân hậu, giàu lòng vị tha, và có tình thương yêu con tha thiết.</p> <p>Nhưng cuối cùng con người bất hạnh đó đã phải lựa chọn cho mình một cái chết thật đau đớn. Cái chết đó là sự lên án sâu sắc thực tại xã hội phong kiến, đã đẩy những người nông dân vào bước đường cùng.</p> <p>- Mức tối đa. HS nêu được đầy đủ ý trên</p> <p>- Mức chưa tối đa.</p> <p>- Trả lời được 1 ý, và các ý còn lại chưa đầy đủ, chưa chính xác.</p> <p>- Mức không đạt</p> <p>+ HS nêu sai nội dung, không đúng ý nào (không đúng yêu cầu câu hỏi)</p> <p>+ Học sinh không trả lời/ Học sinh không làm bài.</p>	1,0 0,25-0,75 0								
	Câu 4	<p>- Hình thức: Viết đảm bảo hình thức văn bản thuyết minh, đúng kiểu câu, chính tả, trình bày sạch sẽ.</p>	0,5								

	<p>- Về nội dung: Học sinh có thể lập ý theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được đặc điểm cấu tạo, công dụng của đồ dùng đó. Cụ thể: đảm bảo cơ bản theo dàn ý sau</p> <p>- Mở bài: + Định nghĩa khái quát về đối tượng thuyết minh.</p> <p>- Thân bài: + Giới thiệu về hình dạng của đối tượng thuyết minh. + Giới thiệu về màu sắc, chất liệu của đối tượng thuyết minh. + Cấu tạo của đối tượng thuyết minh gồm mấy phần, chất liệu, màu sắc, công dụng của mỗi phần + Công dụng chung của đối tượng thuyết minh. + Nhưng lưu ý khi sử dụng và cách bảo quản.</p> <p>- Kết bài: + Giá trị của đối tượng thuyết minh trong hiện tại và tương lai</p> <p>*Lưu ý: - Khuyến khích các bài viết sáng tạo. - Điểm trừ tối đa đối với bài làm không đảm bảo bố cục bài văn tự sự là 1,0 điểm - Điểm trừ tối đa đối với bài viết chưa biết vận dụng tối đa về ngôi kể 0,5 điểm - Điểm trừ tối đa đối với bài viết có nhiều lỗi chính tả, diễn đạt là 0,25 điểm</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>1,5</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>
--	--	--

ĐỀ 21	ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn NGỮ VĂN LỚP 8 <i>Thời gian: 90 phút</i>
--------------	--

Phần I. Trắc nghiệm (2,0 điểm)

Câu 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất (từ câu 1.1 đến câu 1.4)

“Cai lệ giọng vẫn hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

Rồi hắt quay ra bảo người nhà lí trưởng:

- Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia!

Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hấn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.”

(Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1.1. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào:

- A. Lão Hạc. B. Tôi đi học. C. Tức nước vỡ bờ. D. Hai cây Phong.

Câu 1.2. Đoạn trích trên thuộc thể loại:

- A. Nghị luận. B. Thuyết minh. C. Truyện ngắn. D. Tiểu thuyết.

Câu 1.3. Dấu hai chấm trong đoạn trích dùng để:

- A. Báo trước lời dẫn trực tiếp. B. Báo trước phần giải thích.
C. Báo trước phần thuyết minh. D. Báo trước lời đối thoại.

Câu 1.4. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:

- A. Miêu tả. B. Nghị luận.
C. Biểu cảm. D. Tự Sự.

Câu 2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất (từ câu 2.1 đến câu 2.3).

..."Vừa nói hấn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!"...

(Ngữ văn 8- tập 1)

Câu 2.1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi kể:

- A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ hai.
C. Ngôi thứ ba. D. Ngôi thứ tư.

Câu 2.2. Câu nào là câu ghép trong các câu sau:

- A. Vừa nói hấn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch
B. Sấn đến để trói anh Dậu.
C. Hình như tức quá không thể chịu được.
D. Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Câu 2.3. Câu ghép trong đoạn trích trên các vế được nối với nhau bằng cách nào:

- A. Dấu phẩy. B. Dấu chấm.
C. Dấu hai chấm. D. Dấu hỏi chấm.

Phần II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu 3. (2,0 điểm)

Xác định nội dung chính của đoạn trích ở câu 1. Qua nhân vật chị Dậu, em có suy nghĩ gì về phẩm chất và số phận người nông dân trong xã hội cũ? Hãy trình bày suy nghĩ của mình bằng một đoạn văn ngắn từ (5 đến 7 câu).

Câu 4. (6,0 điểm) Thuyết minh về một thứ đồ dùng mà em yêu thích.

- Hết-

Lưu ý: Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung				Điểm
Trắc nghiệm	Câu 1	1.1	1.2	1.3	1.4	1,0
		C	D	D	A, D	

	Câu 2	<table><tr><td>2.1</td><td>2.2</td><td>2.3</td></tr><tr><td>C</td><td>D</td><td>A</td></tr></table>	2.1	2.2	2.3	C	D	A	1,0
2.1	2.2	2.3							
C	D	A							
Tự luận	Câu 3	<p>- Đoạn trích thể hiện hành động hung hăng, hống hách, không có tình thương của bọn tay sai và hoàn cảnh khốn khổ của gia đình chị Dậu.</p> <p>- Chị Dậu là người phụ nữ nông dân nghèo khổ, bất hạnh. Nhưng chị lại có những phẩm chất cao quý đáng trân trọng đó là sự chăm chỉ, hiền lành, đảm đang tháo vát, giàu đức hi sinh, và có tình thương yêu chồng con tha thiết. Ở con người chị toát lên sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Chị dám đứng lên để bảo vệ chồng, dù có thể phải tù tội. Chị Dậu chính là hình ảnh tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới xã hội phong kiến</p> <p>- Mức tối đa. HS nêu được đầy đủ ý trên</p> <p>- Mức chưa tối đa.</p> <p>- Trả lời được 1 ý, và các ý còn lại chưa đầy đủ, chưa chính xác.</p> <p>- Mức không đạt</p> <p>+ HS nêu sai nội dung, không đúng ý nào (không đúng yêu cầu câu hỏi)</p> <p>+ Học sinh không trả lời/ Học sinh không làm bài.</p>	<p>1,0</p> <p>0,25-0,75</p> <p>0</p>						
	Câu 4	<p>- Hình thức: Viết đảm bảo hình thức văn bản thuyết minh, đúng kiểu câu, chính tả, trình bày sạch sẽ.</p> <p>- Về nội dung: Học sinh có thể lập ý theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được đặc điểm cấu tạo, công dụng của đồ vật đó.</p> <p>Cụ thể: đảm bảo cơ bản theo dàn ý sau</p> <p>- Mở bài:</p> <p>+ Định nghĩa khái quát về đối tượng thuyết minh.</p> <p>- Thân bài:</p> <p>+ Giới thiệu về hình dạng của đối tượng thuyết minh.</p> <p>+ Giới thiệu về màu sắc, chất liệu của đối tượng thuyết minh.</p> <p>+ Cấu tạo của đối tượng thuyết minh gồm mấy phần, chất liệu, màu sắc, công dụng của mỗi phần</p> <p>+ Công dụng chung của đối tượng thuyết minh.</p> <p>+ Nhưng lưu ý khi sử dụng và cách bảo quản.</p> <p>- Kết bài:</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>1,5</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p>						

		<p>+ Giá trị của đối tượng thuyết minh trong hiện tại và tương lai</p> <p>*Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích các bài viết sáng tạo. - Điểm trừ tối đa đối với bài làm không đảm bảo bố cục bài văn tự sự là 1,0 điểm - Điểm trừ tối đa đối với bài viết chưa biết vận dụng tối đa về ngôi kể 0,5 điểm - Điểm trừ tối đa đối với bài viết có nhiều lỗi chính tả, diễn đạt là 0,25 điểm 	0,5
--	--	---	-----